



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGA (đồng Chủ biên) – CHU THỊ THUYỄN AN
NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ – NGUYỄN KHÁNH HÀ – TRẦN BÍCH THUY

Tiếng Việt

4

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGA (đồng Chủ biên) – CHU THỊ THUY AN
NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ – NGUYỄN KHÁNH HÀ – TRẦN BÍCH THUY

Tiếng Việt

4

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



PHẦN THỨ NHẤT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 4

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Các năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học)

1.1. Đọc (bao gồm đọc kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh)

1.1.1. Kỹ thuật đọc

– Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng trong 1 phút.

– Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 3.

– Sử dụng được từ điển học sinh (HS) để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới.

– Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

1.1.2. Đọc hiểu

a) Đọc hiểu văn bản văn học

* Đọc hiểu nội dung

– Nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính của văn bản; dựa vào gợi ý, hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản.

– Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản.

– Nhận biết được chủ đề văn bản.

* Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại.

– Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả.

– Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô.

– Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch.

– Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá.

* Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.

– Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao.

– Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.

* Đọc mở rộng

– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

– Thuộc lòng ít nhất 10 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 80 chữ.

b) Đọc hiểu văn bản thông tin

* Đọc hiểu nội dung

– Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.

– Biết tóm tắt văn bản.

* Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.

– Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.

* Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc.

– Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

* Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

1.2. Viết

1.2.1. Kỹ thuật viết

Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.

1.2.2. Viết đoạn văn, văn bản

a) Quy trình viết

– Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bổ cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

– Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.

b) Thực hành viết

– Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.

– Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.

– Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng hình ảnh nhân hoá và những từ ngữ gợi lên đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.

– Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.

– Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 – 3 bước.

– Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.

1.3. Nói và nghe

1.3.1. Nói

– Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp.

– Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ ví dụ (VD): tranh ảnh, sơ đồ,...).

– Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.

– Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống.

1.3.2. Nghe

– Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện.

– Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác.

1.3.3. Nói nghe tương tác

– Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận.

– Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.

2. Các năng lực chung

Môn Tiếng Việt lớp 4 góp phần hình thành, phát triển các năng lực (NL) chung cho HS theo các yêu cầu dưới đây:

2.1. Năng lực tự chủ và tự học

– Tự làm được những việc của mình ở nhà, ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; nhận ra và sửa chữa được sai sót trong học tập theo nhận xét của thầy cô, góp ý của các bạn; có ý thức và bước đầu biết tổng kết những điều đã học.

– Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc, sở thích của bản thân với người khác.

– Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.

– Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để cùng cố và mở rộng hiểu biết; có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.

2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

– Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.

– Biết cùng bạn trong nhóm, trong lớp hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô; báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

– Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới.

– Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường.

2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

– Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi (CH), nêu được thắc mắc.

– Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn; biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân, nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn và dự đoán được kết quả khi thực hiện.

– Biết vận dụng những điều đã học ở môn Tiếng Việt và các môn học khác để quan sát, sưu tầm hiện vật; tạo lập, trưng bày và giới thiệu các đoạn văn bản, câu đố, đoạn văn kết hợp vẽ, cắt dán,...; tổ chức các hoạt động tập thể,... theo hướng dẫn của sách giáo khoa (SGK) và của thầy cô.

3. Các phẩm chất chủ yếu

Môn Tiếng Việt lớp 4 góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất (PC) chủ yếu cho HS theo các yêu cầu dưới đây:

3.1. Yêu nước

- Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.
- Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.
- Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.

3.2. Nhân ái

3.2.1. Yêu quý mọi người

- Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.
- Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè.
- Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.
- Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.

3.2.2. Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người

- Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình.
- Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.
- Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.

3.3. Chăm chỉ

3.3.1. Ham học

- Đi học đầy đủ, đúng giờ.
- Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

3.3.2. Chăm làm

- Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân.
- Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

3.4. Trung thực

- Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.
- Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.
- Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác.
- Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

3.5. Trách nhiệm

3.5.1. Có trách nhiệm với bản thân

- Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe.
- Có ý thức sinh hoạt nề nếp.

3.5.2. Có trách nhiệm với gia đình

- Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình.
- Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.

3.5.3. Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội

- Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công.
- Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau.
- Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng.
- Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.
- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3.5.4. Có trách nhiệm với môi trường

- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích.
- Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.
- Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.

B. NỘI DUNG DẠY HỌC

1. Kiến thức tiếng Việt

- 1.1. Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức.
- 1.2. Vốn từ theo chủ điểm.

- 1.3. Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển.
- 1.4. Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu.
- 1.5. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.
- 1.6. Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa.
- 1.7. Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng.
- 1.8. Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng.
- 1.9. Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng.
- 1.10. Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin).
- 1.11. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê; nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích).
- 1.12. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng.
- 1.13. Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng.
- 1.14. Cấu trúc ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần.
- 1.15. Kiểu văn bản và thể loại
 - Bài văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến; bài văn kể lại câu chuyện, cổ kèn tranh minh họa.
 - Bài văn miêu tả: bài văn miêu tả con vật, cây cối.
 - Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một nhân vật.
 - Đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, nhân vật hay một sự việc, nêu lí do vì sao có ý kiến như vậy.
 - Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn, thư, báo cáo công việc.
- 1.16. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

2. Kiến thức văn học

- 2.1. Chủ đề.
- 2.2. Đặc điểm nhân vật.
- 2.3. Hình ảnh trong thơ.
- 2.4. Lời thoại trong kịch bản văn học.

3. Ngữ liệu

3.1. Văn bản văn học

- Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả.
- Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ.
- Kịch bản văn học.

Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 – 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 100 – 120 chữ.

3.2. Văn bản thông tin

– Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm.

- Giấy mời.
- Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi.
- Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học).
- Báo cáo công việc.

Độ dài của văn bản: khoảng 150 – 180 chữ.

II. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 4

SGK *Tiếng Việt 4* trong bộ SGK Cánh Diều (sau đây gọi là SGK *Tiếng Việt 4*) thể hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (CT GDPT) năm 2018 với quan điểm biên soạn như sau:

1. Tiếp cận mục tiêu

Tiếp cận mục tiêu là lấy mục tiêu giáo dục của CT GDPT làm căn cứ để lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và hoạt động (HD) học tập của HS.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, SGK *Tiếng Việt 4* cũng như toàn bộ SGK *Tiếng Việt* Cánh Diều được xây dựng trên 2 trục chính, đó là trục chủ đề, chủ điểm và trục HD rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói, nghe; cụ thể như sau:

1.1. Thiết kế hệ thống bài học trong sách theo trục chủ đề, chủ điểm để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sống và các PC yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Ở cấp Tiểu học, môn Tiếng Việt chiếm 31% (43 tiết / tuần) tổng thời lượng giáo dục, đồng thời thực hiện mục tiêu giáo dục thông qua các ngữ liệu giàu hình ảnh, cảm xúc, tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm, nhận thức của HS; do đó, môn học này có trách nhiệm và ưu thế trong việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sống và các phẩm chất cho HS.

1.2. Thiết kế các bài học trong sách theo trục hoạt động rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) để phục vụ mục tiêu phát triển các NL đặc thù (NL ngôn ngữ và văn học), đồng thời phát triển toàn diện về PC và NL một cách vững chắc.

2. Tiếp cận đối tượng

Tiếp cận đối tượng là lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và các HĐ học tập vừa phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm tâm sinh lí của HS vừa phát triển nhận thức và tình cảm, cảm xúc của HS. Để thực hiện mục tiêu này, SGK *Tiếng Việt 4* cũng như toàn bộ SGK *Tiếng Việt* Cánh Diều thiết kế hệ thống chủ đề, chủ điểm và các HĐ rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói, nghe cụ thể như sau:

2.1. Thiết kế các nội dung giáo dục theo nguyên tắc vừa sức và phát triển

2.1.1. Hệ thống chủ đề, chủ điểm được xây dựng phù hợp với trình độ và yêu cầu phát triển của học sinh mỗi lớp

VD: Ở lớp 2, HS được học 5 chủ đề, với những tên gọi giản dị, gần gũi với trẻ em 7 – 8 tuổi: *Em là búp măng non*, *Em đi học*, *Em ở nhà*, *Em yêu thiên nhiên*, *Em yêu Tổ quốc Việt Nam*. Ở lớp 3, lớp 4, các chủ đề được khái quát thành: *Măng non*, *Cộng đồng*, *Đất nước*, *Ngôi nhà chung*. Tuy nhiên, nội dung mỗi chủ đề ở lớp 4 đều được phát triển cao hơn so với lớp 3.

2.1.2. Nội dung các bài học cũng được xây dựng phù hợp với trình độ và yêu cầu phát triển của học sinh mỗi lớp

VD: Cùng phản ánh truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước nhưng các bài đọc ở lớp 3 và lớp 4 có sự khác nhau: Chủ điểm *Bảo vệ Tổ quốc* ở lớp 3 có 4 bài đọc, phản ánh sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang để bảo vệ chủ quyền quốc gia và độc lập, tự do của Tổ quốc. Chủ điểm *Bài ca giữ nước* ở lớp 4 có 4 bài đọc, phản ánh các mốc quan trọng trong lịch sử giữ nước của dân tộc.

2.2. Thiết kế hoạt động học tập phù hợp với các đối tượng học tập khác nhau

2.2.1. Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp với từng khối lớp

SGK *Tiếng Việt 4* củng cố các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã hình thành từ các lớp dưới, với yêu cầu cao hơn (VD: HS lớp 4 cần có kĩ năng đọc diễn cảm và trả lời các CH đọc hiểu có yêu cầu suy luận – chủ yếu dưới hình thức tự luận), đồng thời rèn luyện kĩ năng viết một số đoạn văn, bài văn. Các kiến thức về tiếng Việt và văn học được dạy thành bài riêng nhưng nội dung chủ yếu là rèn luyện kĩ năng nhận biết và vận dụng vào đọc, viết, nói và nghe, không sa vào cách dạy hàn lâm (không chú trọng ghi nhớ định nghĩa, phân loại).

2.2.2. Các hoạt động học tập được thiết kế theo hướng mở, phù hợp với từng nhóm học sinh để thực hiện giáo dục phân hoá

– SGK *Tiếng Việt 4* có nhiều bài tập lựa chọn trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe để GV và HS chọn theo đặc điểm, điều kiện của mỗi lớp và khả năng, sở thích của mỗi HS.

– SGK *Tiếng Việt 4* có “phần mềm” khoảng 50 tiết (gồm các tiết Trao đổi về câu chuyện, bài thơ, bài báo đã đọc ở nhà; Góc sáng tạo; Ôn tập) để GV linh hoạt sử dụng cho phù hợp với đối tượng HS trong lớp. VD: GV không nhất thiết phải dạy toàn bộ nội dung các “phần mềm” này hoặc không yêu cầu những HS còn yếu phải học toàn bộ các nội dung đó mà có thể lấy bớt thời gian từ “phần mềm” để HS rèn luyện những kĩ năng còn yếu.

III. NỘI DUNG SÁCH *TIẾNG VIỆT 4*

A. CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC

1. Tổng thời lượng: *Tiếng Việt 4* được học trong 35 tuần, mỗi tuần 7 tiết, tổng thời lượng học là 245 tiết.

2. Cấu trúc sách

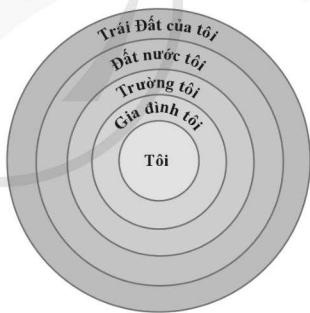
Bộ SGK *Tiếng Việt* tiểu học được thiết kế theo mô hình tích hợp, lấy hệ thống chủ đề – chủ điểm làm chỗ dựa để phát triển NL ngôn ngữ (cụ thể là các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe), NL văn học, các NL chung và các PC chủ yếu cho HS.

Chủ đề (topic) được hiểu là những đề tài lớn, có tính khái quát cao, lặp lại ở tất cả các lớp. Còn chủ điểm (theme) là những đề tài nhánh, cụ thể hoá chủ đề, được lựa chọn và sắp xếp ở các lớp phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lí của HS mỗi lớp.

Theo quan điểm lấy HS làm nhân vật trung tâm, các chủ đề của bộ SGK *Tiếng Việt* tiểu học bắt đầu từ nhân vật HỌC SINH (TÔI) và phát triển theo mối quan hệ giữa nhân vật trung tâm ấy với môi trường xung quanh. Có thể hình dung hệ thống chủ đề như sau:

Mỗi chủ đề được triển khai ở mỗi lớp thành một số chủ điểm; mỗi chủ điểm ứng với một hoặc hai bài học (lesson). Thứ tự và tên cụ thể của các chủ điểm có thể được thay đổi khi triển khai cụ thể vào tài liệu dạy học ở mỗi lớp.

Tên các chủ đề, chủ điểm và bài học trong SGK *Tiếng Việt 4* cụ thể như sau:



Chủ đề	Bài học - Chủ điểm	
MĂNG NON	Bài 1: <i>Chân dung của em</i>	Bài 2: <i>Chăm học, chăm làm</i>
	Bài 3: <i>Như măng mọc thẳng</i>	Bài 4: <i>Kho báu của em</i>
	Bài 5: <i>Ôn tập giữa học kì I</i>	Bài 6: <i>Ước mơ của em</i>

CỘNG ĐỒNG	Bài 7: <i>Họ hàng, làng xóm</i>	Bài 8: <i>Người ta là hoa đất</i>
	Bài 9: <i>Tài sản vô giá</i>	Bài 10: <i>Ôn tập cuối học kì I</i>
	Bài 11: <i>Trái tim yêu thương</i>	Bài 12: <i>Những người dũng cảm</i>
ĐẤT NƯỚC	Bài 13: <i>Niềm vui lao động</i>	Bài 14: <i>Bài ca giữ nước</i>
	Bài 15: <i>Ôn tập giữa học kì II</i>	Bài 16: <i>Tuổi nhỏ chí lớn</i>
NGÔI NHÀ CHUNG	Bài 17: <i>Khám phá thế giới</i>	Bài 18: <i>Vì cuộc sống con người</i>
	Bài 19: <i>Ôn tập cuối năm học</i>	

3. Cấu trúc và thời lượng thực hiện bài học

SGK *Tiếng Việt 4* có 15 bài học chính và 4 bài ôn tập (giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối năm học). Mỗi bài học chính ứng với một chủ điểm, được học trong 2 tuần (14 tiết), trừ bài 18 được học trong 3 tuần. Bài học chính được thiết kế theo các HĐ rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, với thời lượng cụ thể như sau ⁽¹⁾:

TUẦN LÊ CỦA BÀI HỌC		TUẦN CHẶN CỦA BÀI HỌC	
– Bài đọc 1	2 tiết	– Bài đọc 3	2 tiết
– Bài viết 1 (Tập làm văn)	1 tiết	– Bài viết 3 (Tập làm văn)	1 tiết
– Nói và nghe	1 tiết	– Nói và nghe	1 tiết
– Bài đọc 2	1 tiết	– Bài đọc 4	1 tiết
– Luyện từ và câu	1 tiết	– Luyện từ và câu	1 tiết
– Bài viết 2 (Tập làm văn)	1 tiết	– Góc sáng tạo	1 tiết

B. NỘI DUNG, QUY TRÌNH DẠY CÁC BÀI HỌC

1. Đọc

1.1. Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng đọc, thói quen đọc sách báo, trang bị kiến thức về văn học, tiếng Việt, kiến thức và một số kĩ năng sống (củng cố hiểu biết về bản thân

(1) Tỷ lệ đọc, viết, nói, nghe và đánh giá so với yêu cầu của CT môn học:

Kĩ năng	Quy định của Chương trình	Thực hiện
Đọc	Khoảng 63% (4 tiết/tuần)	3 tiết Tập đọc + đọc trong các hoạt động khác
Viết	Khoảng 22% (1,5 tiết/tuần)	1,5 tiết Viết + viết trong các hoạt động khác
Nói, nghe	Khoảng 10% (0,7 tiết/tuần)	1 tiết Nói và nghe
Đánh giá	Khoảng 5% (12 tiết/năm)	14 tiết Ôn tập, đánh giá/năm

và gia đình; mở rộng hiểu biết về cộng đồng xã hội và đất nước; tăng cường hiểu biết về thiên nhiên, bước đầu có hiểu biết về sự phát triển của văn minh nhân loại).

1.2. Các loại bài đọc và thời lượng thực hiện

a) Bài đọc trong các bài học chính

Tổng số bài đọc trong các bài học chính là 62 bài. Các bài đọc chính bao gồm:

- Bài đọc có số thứ tự lẻ (1, 3, 5): 2 tiết / bài đọc.
- Bài đọc có số thứ tự chẵn (2, 4, 6): 1 tiết / bài đọc.

b) Bài đọc trong các bài Ôn tập

Tổng số bài đọc trong các bài Ôn tập là 11 bài.

c) Bài đọc trong các bài Tự đánh giá

Tổng số bài đọc trong các bài Tự đánh giá (HS thực hiện ở nhà): 15 bài.

d) Bài đọc là ví dụ trong các bài Tự đọc sách báo

Mỗi tập sách *Tiếng Việt 4* giới thiệu một VD về văn bản đọc mở rộng (tập một: *Ước mơ không còn dịch bệnh*; tập hai: *Từ viên sỏi đến chữ số*).

1.3. Cấu trúc các loại bài đọc

a) Bài đọc trong các bài học chính

– Tên bài đọc: Tên gốc của văn bản đọc (VD: *Đoàn thuyền đánh cá* là tên gốc bài thơ của Huy Cận) hoặc tên đoạn trích do tác giả SGK đặt (VD: *Đàn bò gặm cỏ* là tên đoạn trích truyện ngắn *Cô non* của Hồ Phương).

– Các hoạt động

+ Đọc thành tiếng: Đọc trơn, đọc diễn cảm đoạn văn và toàn bộ văn bản.

+ Đọc hiểu: Trả lời các CH đọc hiểu, bao gồm CH về nội dung, chủ đề và cấu tạo của văn bản. Trung bình, mỗi bài đọc 2 tiết có 5 CH đọc hiểu; mỗi bài đọc 1 tiết có 4 CH đọc hiểu.

b) Bài đọc trong các bài Ôn tập

– Tên bài đọc: Tên gốc của văn bản đọc (VD: *Đồng dao tặng mẹ tặng ba* là tên gốc bài thơ của Nguyễn Trọng Tạo) hoặc tên đoạn trích do tác giả SGK đặt (VD: *Chú bé bán báo* là tên đoạn trích truyện *Đội Thiếu niên tình báo Bát Sắt* của Phạm Thắng).

– Các hoạt động

+ Tự đọc thầm (trong lúc chờ đến lượt kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng) và đọc thành tiếng.

+ Trả lời các CH về nội dung, chủ đề, cấu tạo của văn bản và làm BT về từ ngữ, ngữ pháp.

c) *Bài đọc trong các bài Tự đánh giá*

– Tên bài đọc: Tên gốc của văn bản đọc (VD: *Chiếc võng của bố* là tên gốc bài thơ của Phan Thế Cải) hoặc tên đoạn trích do tác giả SGK đặt (VD: *Nghìn thang thuốc bổ* là tên đoạn trích câu chuyện *Quà của Cù* bằng nghìn thang thuốc bổ trong tập sách *118 chuyện kể về Bác Hồ*).

– Các hoạt động

+ Tự đọc thầm.

+ Trả lời các CH về nội dung, chủ đề, cấu tạo của văn bản; làm BT về từ ngữ, ngữ pháp và BT viết đoạn văn.

d) *Bài đọc trong các bài Tự đọc sách báo*

– Tên hoạt động: Tên đề tài của văn bản đọc phù hợp với chủ điểm của bài học trong SGK.

– Các hoạt động

+ Tự đọc ở nhà, ghi chép thông tin đơn giản về văn bản đọc vào phiếu đọc sách.

+ Chuẩn bị giới thiệu và trao đổi về văn bản đã đọc ở nhà trong một số tiết Nói và nghe theo yêu cầu trong SGK.

1.4. Quy trình dạy bài đọc chính

1.4.1. Khởi động và giới thiệu bài⁽¹⁾

– Đối với các bài đọc mở đầu một chủ điểm, GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ nêu ở phần Chia sẻ bằng các biện pháp dạy học khác nhau.

– Đối với các bài đọc khác, GV gắn/chiếu lên bảng/màn hình tranh ảnh minh họa/video; giới thiệu tên bài đọc. Mời HS nói tên những sự vật trong tranh ảnh; đoán nội dung câu chuyện, bài thơ, bài văn.

– GV giới thiệu bài đọc, tạo hứng thú cho HS.

1.4.2. Hướng dẫn đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu 1 lượt toàn bộ bài đọc.

– GV tổ chức cho HS (cá nhân) đọc thành tiếng các đoạn văn, khổ thơ; lưu ý HS ngắt nghỉ hơi đúng, có giọng đọc phù hợp với nội dung hiện thực được miêu tả và tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả ẩn chứa trong tác phẩm.

– 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bộ bài đọc.

1.4.3. Hướng dẫn đọc hiểu

– GV tổ chức cho HS trả lời các CH đọc hiểu bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (làm việc độc lập; thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép, khăn trải bàn,...).

(1) Đối với các bài Viết, Nói và nghe, Góc sáng tạo, Ôn tập, GV tự tổ chức hoạt động Khởi động phù hợp; SGK không nhắc lại.

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (vấn đáp, đóng vai phỏng vấn, khăn trải bàn, phòng tranh, ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

1.4.4. Hướng dẫn đọc nâng cao

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm toàn bài, tập trung vào một số câu, đoạn cần ngắt nghỉ hơi đúng với ngữ điệu thể hiện đúng nội dung hiện thực được miêu tả và tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả ẩn chứa trong tác phẩm. Việc điều chỉnh ngữ điệu thể hiện ở các phương diện sau:

+ Giọng đọc: vui hay buồn, hào hùng hay êm ái, nhẹ nhàng, thiết tha hay mạnh mẽ, dứt khoát,...

+ Nhịp điệu: nhanh hay chậm, dồn dập, gấp gáp hay hiền hoà, khoan thai,...

+ Ngắt giọng: theo dấu câu, nhịp thơ hoặc theo nghĩa,...

+ Nhấn giọng: phát âm một từ ngữ kéo dài hoặc mạnh hơn bình thường.

– Đọc diễn cảm phải thể hiện tình cảm, cảm xúc thật. GV cần tránh gò ép HS tập trung mọi chú ý vào những chỗ cần nhấn giọng, ngắt nghỉ hơi theo hướng dẫn được thầy cô ghi trên bảng, làm cho các em đọc gượng gạo, mất tự nhiên.

1.4.5. Củng cố, dặn dò⁽¹⁾

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

– GV nhận xét về tiết học, khen ngợi HS, dặn dò những điều cần thiết.

1.5. Hướng dẫn tự đọc sách báo

– GV giao nhiệm vụ cho HS tự đọc sách báo ở nhà theo quy định của CT môn Ngữ văn; đề tài văn bản đọc phù hợp với chủ điểm đang học.

– GV thường xuyên kiểm tra HĐ tự đọc sách báo của HS qua phiếu đọc sách.

– HS báo cáo kết quả tự đọc sách báo trong các tiết Trao đổi về các câu chuyện, bài thơ, bài văn đã đọc ở nhà.

2. Viết

2.1. Mục tiêu

Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn và văn bản.

2.2. Các loại bài viết và thời lượng thực hiện

a) Viết đoạn văn và văn bản

(1) Có thể gọi là HĐ *tổng kết*, nhưng từ *tổng kết* không bao hàm nội dung dặn dò những việc cần làm. Đối với các bài Viết, Nói và nghe, Góc sáng tạo, Ôn tập, SGK không nhắc lại hoạt động Củng cố, dặn dò.

SGK *Tiếng Việt 4* hướng dẫn HS viết các đoạn văn và văn bản theo quy định của CT Ngữ văn với thời lượng phân bổ như sau:

– Bài viết báo cáo là kiểu văn bản viết theo mẫu, được học trong 3 tiết, bao gồm: tiết hình thành khái niệm, tiết thực hành viết, tiết trả bài viết.

– Các bài viết đoạn văn được học trong 4 tiết, bao gồm: tiết hình thành khái niệm, tiết lập dàn ý, tiết thực hành viết, tiết trả bài viết.

– Bài viết thuật lại một sự việc được chứng kiến hoặc tham gia học trong 6 tiết, bao gồm: tiết hình thành khái niệm, tiết tìm ý và lập dàn ý, tiết thực hành viết mở bài và kết bài, tiết thực hành viết đoạn văn ở thân bài, tiết thực hành viết toàn bộ bài văn, tiết trả bài viết.

– Bài viết thư được học trong 6 tiết, bao gồm: tiết hình thành khái niệm, tiết lập dàn ý, tiết thực hành viết phần mở đầu và phần kết thúc bức thư, tiết thực hành viết nội dung chính, tiết thực hành viết toàn bộ bức thư, tiết trả bài viết.

– Các bài hướng dẫn thực hiện một công việc, hướng dẫn sử dụng một sản phẩm có nội dung gần nhau và có tác dụng rất thiết thực, vì vậy, SGK tổ chức dạy cả hai kiểu bài, tổng cộng 6 tiết, bao gồm cả các tiết Trao đổi, Góc sáng tạo.

– Các bài tả cây cối, tả con vật được học trong 8 tiết, bao gồm: tiết hình thành khái niệm, tiết quan sát và tìm ý, tiết lập dàn ý, tiết thực hành viết mở bài, tiết thực hành viết kết bài, tiết thực hành viết 1 – 2 đoạn văn ở thân bài, tiết thực hành viết toàn bộ bài văn, tiết trả bài viết.

b) Viết chính tả

Để HS tiếp tục rèn luyện kỹ năng nghe và viết chính tả, không gây đứt đoạn với các lớp dưới, SGK *Tiếng Việt 4* bố trí 4 bài nghe – viết trong các tuần Ôn tập.

2.3. Cấu trúc các loại bài viết

a) Viết đoạn văn và văn bản

– Các bài hình thành khái niệm, gồm ba phần: Nhận xét, Bài học, Luyện tập. Phần Nhận xét hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu, từ đó rút ra Bài học, tiếp đó Luyện tập để củng cố kiến thức đã học, hình thành kỹ năng mới.

– Các bài luyện tập được tổ chức theo quy trình viết: lập dàn ý, thực hành viết, trả bài viết. Tùy theo kiểu bài, SGK bổ sung các HĐ sau: quan sát, thực hành viết mở bài, kết bài, viết một số đoạn ở thân bài.

b) Viết chính tả

Bài chính tả nghe – viết được bố trí ở các tuần Ôn tập; mỗi tuần một bài, gồm văn bản chính tả và nhiệm vụ viết.

2.4. Quy trình dạy bài viết chính (tập làm văn)

2.4.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV mời 1 – 2 HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT.
- GV mời 1 – 2 HS làm mẫu, nếu cần.

2.4.2. Tổ chức cho học sinh thực hiện nhiệm vụ

a) Đối với các tiết tìm hiểu cấu tạo, đặc điểm của kiểu bài văn

- GV tổ chức cho HS đọc, trả lời CH hoặc làm BT.
- GV tổ chức cho HS rút ra bài học từ việc trả lời CH, làm BT.
- GV tổ chức cho HS luyện tập vào *Vở bài tập Tiếng Việt 4* hoặc vở ô li.

b) Đối với các tiết tập viết đoạn văn, bài văn

GV tổ chức cho HS làm BT theo hướng dẫn trong SGK.

c) Đối với các tiết trả bài viết

GV tổ chức cho HS tham gia HĐ sửa bài viết theo hướng dẫn trong SGK.

2.4.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

- GV mời một vài HS đọc bài làm.
- GV mời cả lớp nhận xét bài làm của bạn (nên hướng dẫn các em tìm ra những điểm tốt trong bài của bạn).
- GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

3. Nói và nghe

3.1. Mục tiêu: Rèn kĩ năng nghe và nói.

3.2. Các loại bài nói và nghe; thời lượng thực hiện

Thời lượng dành cho HĐ nói và nghe là 1 tiết / tuần. Các loại bài rèn luyện kĩ năng nói và nghe gồm:

a) Kể chuyện

SGK *Tiếng Việt 4* tiếp tục rèn luyện các kĩ năng nghe và nói cho HS thông qua hình thức nghe (xem) – kể nhưng đặt yêu cầu cao hơn lớp 3, VD: kể lại truyện tranh có bóng nói; kể chuyện chỉ có gợi ý bằng lời và 1 tranh minh họa.

Riêng các bài học chính có 13 truyện kể, trong đó có 1 văn bản sử dụng lại từ SGK cũ, chiếm tỉ lệ 7,69 %; 6 văn bản dịch hoặc viết về nước ngoài, chiếm tỉ lệ 46,15 %. Bên cạnh đó, SGK còn có 3 truyện kể trong các bài Ôn tập.

b) Em đọc sách báo

Nội dung của tiết học này là HS giới thiệu câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc ở nhà; trao đổi về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) đó.

c) Tập kịch

Nội dung của tiết học này là HS tổ chức đội kịch, trao đổi để phân vai, phân công

và tập diễn một màn kịch đã được học, chuẩn bị cho HĐ biểu diễn trong tiết học Góc sáng tạo.

3.3. Cấu trúc các loại bài nói và nghe

a) Kể chuyện

– SGK *Tiếng Việt 4* tiếp tục rèn luyện các kỹ năng nghe và nói cho HS thông qua hình thức nghe (xem) – kể nhưng đặt yêu cầu cao hơn lớp 3, VD: kể lại truyện tranh có bóng nói; kể chuyện chỉ có gợi ý bằng lời và 1 tranh minh họa.

– Các HĐ kể chuyện bao gồm:

+ Nghe GV kể chuyện (hoặc xem video).

+ Kể lại câu chuyện (trong nhóm và trước lớp).

+ Trao đổi về câu chuyện.

– Yêu cầu đối với HS lớp 4 là:

+ Người kể chuyện: kể lại toàn bộ câu chuyện; trả lời CH của các bạn; tham gia thảo luận về nội dung câu chuyện.

+ Người nghe: chú ý lắng nghe; ghi chép những ý chính; hỏi thêm những điều chưa rõ; phát biểu ý kiến thảo luận về câu chuyện; trả lời CH của các bạn; tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình hoặc làm rõ nội dung câu chuyện (nếu cần thiết).

b) Em đọc sách báo

– Các HĐ của HS là:

+ Giới thiệu trong nhóm và trước lớp câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc ở nhà.

+ Trao đổi về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) mà bạn giới thiệu.

– Yêu cầu đối với HS lớp 4 là:

+ Người nói giới thiệu (theo hình thức thuyết trình) về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) đã đọc ở nhà. Người nói trình bày miệng, có thể chuẩn bị tranh ảnh, sơ đồ hoặc video để hỗ trợ.

+ Người nghe ghi chép những ý chính, hỏi thêm những điều chưa rõ và phát biểu ý kiến thảo luận về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo) mà bạn giới thiệu.

c) Tập kịch

– Yêu cầu đối với tiết tập kịch là luyện tập để chuẩn bị biểu diễn vào tiết Góc sáng tạo.

– Các HĐ của HS là: tổ chức lớp thành các đội kịch, phân vai, tập diễn, rút kinh nghiệm.

3.4. Quy trình dạy bài nghe và kể lại một câu chuyện

3.4.1. Nghe kể chuyện (hoặc xem video)

HS nghe thầy cô kể chuyện hoặc xem video (3 lần).

3.4.2. Kể chuyện

a) HS kể chuyện trong nhóm

b) HS kể chuyện trước lớp

3.4.3. Trao đổi

HS trao đổi về ý nghĩa, lời khuyên bổ ích của câu chuyện, với sự giúp đỡ của thầy cô.

3.5. Quy trình tổ chức hoạt động giới thiệu câu chuyện đã đọc ở nhà

3.5.1. Chuẩn bị

– GV kiểm tra sách báo HS mang đến lớp.

– Một số HS cho biết sẽ giới thiệu câu chuyện gì hoặc bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch nào.

3.5.2. Giới thiệu câu chuyện (bài văn, bài thơ, bài báo, vở kịch) đã đọc ở nhà

a) HS giới thiệu (nói miệng) về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) đã đọc ở nhà trong nhóm.

b) HS giới thiệu (theo hình thức thuyết trình) về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) đã đọc ở nhà trước lớp.

3.5.3. Trao đổi

HS trao đổi về câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) đã kể (đọc) trước lớp: trả lời CH của các bạn, cùng các bạn trao đổi về ý nghĩa, lời khuyên bổ ích của câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch), với sự giúp đỡ của thầy cô. Việc này do GV chủ động tổ chức sau mỗi lần HS kể (đọc) hoặc sau những câu chuyện (bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) cần trao đổi.

3.6. Quy trình tổ chức hoạt động tập diễn kịch

3.6.1. Chuẩn bị

– GV hướng dẫn HS thành lập các đội kịch (số lượng thành viên mỗi đội và số đội kịch tùy thuộc vào số nhân vật của màn kịch).

– Các đội kịch phân vai (đạo diễn, các nhân vật, người nhắc vở), phân công nhau chuẩn bị đạo cụ, trang phục và làm giấy mời để biểu diễn trong tiết Góc sáng tạo.

3.6.2. Tập dượt

– Các đội kịch tập thoại và động tác, góp ý cho các nhân vật để thoại đúng lượt lời và phù hợp với nội dung màn kịch.

- GV theo dõi, hướng dẫn các đội kịch tập diễn; giải đáp thắc mắc cho HS (nếu cần).

4. Luyện từ và câu

4.1. Mục tiêu: Trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

4.2. Các loại bài Luyện từ và câu; thời lượng thực hiện

a) Bài hình thành kiến thức

– SGK *Tiếng Việt 4* có 14 bài hình thành kiến thức về từ và câu, cụ thể là: Danh từ (2 bài), Động từ (1 bài), Tính từ (1 bài), Nhân hoá (1 bài), Chủ ngữ (1 bài), Vị ngữ (1 bài), Trang ngữ (2 bài), Dấu gạch ngang (2 bài), Dấu ngoặc kép (1 bài), Dấu ngoặc đơn (1 bài), Cách viết tên riêng của cơ quan, tổ chức (1 bài), Tra từ điển (1 bài).

- Thời lượng dành cho các bài trên là 1 tiết / tuần.

b) Bài luyện tập

Bài luyện tập về các đơn vị, hiện tượng và quy tắc đã học bao gồm:

- Các bài luyện tập riêng (1 tiết / tuần).
- Các BT về nhân hoá gắn với bài đọc để khai thác giá trị của bài đọc.
- Các BT tra từ điển gắn với bài đọc để hiểu bài đọc và rèn luyện kỹ năng.
- Các BT về từ và câu ở bài Ôn tập, bài Tự đánh giá.

4.3. Cấu trúc các loại bài Luyện từ và câu

a) Bài hình thành kiến thức

Bài hình thành kiến thức về từ và câu gồm ba phần:

- Nhận xét: HS làm BT phân tích ngữ liệu.
- Bài học: Từ kết quả phân tích ngữ liệu, HS rút ra bài học.
- Luyện tập: HS làm BT để củng cố kiến thức, hình thành kỹ năng.

b) Bài luyện tập

Bài luyện tập về từ và câu gồm một số BT để củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng đã được học.

c) Bài mở rộng vốn từ

Bài mở rộng vốn từ gồm một số BT để hiểu và sử dụng được một số từ Hán Việt, thành ngữ phổ biến, dễ hiểu, phù hợp với chủ điểm học tập.

4.4. Quy trình dạy bài hình thành kiến thức

4.4.1. Nhận xét

– GV tổ chức cho HS làm BT phân tích ngữ liệu bằng các hình thức HĐ khác nhau (làm việc độc lập; làm việc nhóm bằng các kỹ thuật khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép,...).

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm các BT phân tích ngữ liệu bằng các hình thức HĐ khác nhau (phòng vấn, khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép,...).

4.4.2. Rút ra bài học

- GV hướng dẫn HS rút ra bài học.
- HS đọc nội dung được đóng khung trong SGK.

4.4.3. Luyện tập

- GV tổ chức cho HS làm BT bằng các hình thức HĐ khác nhau (làm việc độc lập; làm việc nhóm bằng các kĩ thuật khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép,...).
- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm BT bằng các hình thức HĐ khác nhau (phòng vấn, khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép,...).

5. Góc sáng tạo

5.1. Mục tiêu: Rèn luyện tư duy sáng tạo và kĩ năng vận dụng những điều đã học vào thực tế dưới các hình thức viết, vẽ, tổ chức HĐ vui chơi, tham quan, trưng bày sản phẩm.

5.2. Các loại bài Góc sáng tạo; thời lượng thực hiện

- Tạo lập văn bản đa phương thức.
- Diễn kịch.
- Trưng bày, triển lãm, trò chơi.
- Tham quan thực tế.

Thời lượng thực hiện Góc sáng tạo là 1 tiết / HĐ / tuần cuối của một bài học (một chủ điểm). GV có thể kết hợp với Hoạt động trải nghiệm, tổ chức HĐ vào 1 buổi trong tuần.

5.3. Cấu trúc các loại bài

a) Tạo lập văn bản đa phương thức

Hoạt động tạo lập các văn bản đa phương thức là viết kết hợp vẽ tranh, cắt dán tranh ảnh, làm sản phẩm thủ công, gồm các nội dung sau:

- Chuẩn bị (đọc hoặc trao đổi về đề tài; chuẩn bị đồ dùng để vẽ, cắt dán, viết).
- Tạo sản phẩm.
- Giới thiệu sản phẩm, bình chọn sản phẩm tốt theo tiêu chí đối với mỗi loại sản phẩm.

b) Diễn kịch

Hoạt động diễn kịch gồm các nội dung sau:

- Chuẩn bị (gửi giấy mời khách tham dự, tập dượt).
- Biểu diễn.
- Trao đổi, rút kinh nghiệm.

c) Trưng bày, triển lãm, trò chơi

Hoạt động trưng bày, triển lãm, trò chơi gồm các nội dung sau:

- Chuẩn bị.
- Trưng bày sản phẩm hoặc thực hiện trò chơi.
- Trao đổi, rút kinh nghiệm.

d) Tham quan thực tế

Hoạt động tham quan thực tế gồm các nội dung sau:

- Chuẩn bị.
- Quan sát, ghi chép.
- Trao đổi, rút kinh nghiệm.

5.4. Quy trình tổ chức hoạt động Góc sáng tạo

5.4.1. Chuẩn bị

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- GV mời 1 – 2 HS làm mẫu (nếu cần).

5.4.2. Tổ chức hoạt động chính

- GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ (tạo lập văn bản đa phương thức; tập kịch; trưng bày, triển lãm; trò chơi; tham quan).
- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng các hình thức phù hợp với mỗi HĐ sáng tạo.

6. Ôn tập

6.1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, kỹ năng, đánh giá kết quả học tập.

6.2. Các loại bài tập ôn tập; thời lượng thực hiện

- Bài tập đọc hiểu
- Bài tập luyện từ và câu
- Bài tập nghe – kể
- Bài tập nghe – viết
- Bài tập viết đoạn văn, văn bản

Thời lượng dành cho ôn tập là 7 tiết / bài (bố trí vào các tuần 9, 18, 27 và 35).

6.3. Cấu trúc các loại bài tập ôn tập

- Bài tập đọc hiểu
 - Bài đọc.
 - CH đọc hiểu.
- Bài tập luyện từ và câu
 - Bài tập nhận diện đơn vị hoặc hiện tượng ngôn ngữ.
 - Bài tập phân tích tác dụng của đơn vị hoặc hiện tượng ngôn ngữ.

– Bài tập vận dụng kiến thức về đơn vị hoặc hiện tượng ngôn ngữ vào đặt câu, viết đoạn văn.

c) Bài tập nghe – kể

- Văn bản kể chuyện.
- Kể chuyện.
- Trao đổi về câu chuyện.

d) Bài tập nghe – viết

- Văn bản viết chính tả.
- Viết, tự kiểm tra bài viết.

e) Bài tập viết đoạn văn, văn bản

- Đề bài viết.
- Viết, tự kiểm tra bài viết.

6.4. Quy trình dạy các bài tập ôn tập

6.4.1. Bài tập đọc hiểu và từ ngữ, ngữ pháp

– HS tự đọc thầm, trả lời CH và làm BT trong khi GV kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng và học thuộc lòng của một số HS khác trong lớp.

– Sau khi kết thúc việc kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng và học thuộc lòng của một số HS trong lớp, GV tổ chức cho HS trong lớp báo cáo kết quả đọc hiểu, làm BT bằng các hình thức HĐ khác nhau (phỏng vấn, khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép,...).

6.4.2. Bài tập nghe – kể

GV dạy theo quy trình dạy bài Nghe – kể chuyện đã nêu ở mục 3.4.1.

6.4.3. Bài tập nghe – viết

- GV đọc 1 lượt bài chính tả.
- HS tập viết những từ khó vào bảng con hoặc giấy nháp.
- GV đọc cho HS viết, đọc theo từng cụm từ, mỗi cụm từ đọc 2 lượt.
- GV đọc lần cuối cho HS rà soát bài chính tả. HS tự chữa lỗi ra lề vở.
- Nếu có thời gian, HS đổi bài cho nhau để kiểm tra việc sửa lỗi.

6.4.4. Bài tập viết đoạn văn, văn bản

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS viết theo đề bài tự chọn.

7. Đánh giá

7.1. Mục tiêu: Giúp HS tự đánh giá và GV đánh giá HS về kết quả học tập.

7.2. Các loại bài đánh giá; thời lượng thực hiện

- Tự đánh giá sau mỗi bài học (HS thực hiện ở nhà theo hướng dẫn trong SGK).
- Tự đánh giá giữa học kì, cuối học kì, cuối năm (HS thực hiện các bài luyện tập trên lớp theo hướng dẫn trong SGK).
- Đánh giá của GV (đánh giá thường xuyên, định kì, bao gồm: đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng; đánh giá kĩ năng đọc hiểu; đánh giá kĩ năng viết).

7.3. Cấu trúc các loại bài đánh giá

- Tự đánh giá sau mỗi bài học
 - Bài đọc.
 - CH đọc hiểu và BT từ ngữ, ngữ pháp.
 - Yêu cầu tự đánh giá, xếp loại.
- Tự đánh giá giữa học kì, cuối học kì, cuối năm
 - Bài đọc và CH đọc hiểu.
 - Các BT viết, nói và nghe, từ ngữ, ngữ pháp.
- Đánh giá của GV
 - Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng, học thuộc lòng.
 - Đánh giá kĩ năng đọc hiểu.
 - Đánh giá kĩ năng viết.

7.4. Quy trình hướng dẫn đánh giá

7.4.1. Tự đánh giá

- HS tự đọc thâm bài đọc.
- HS làm BT (trắc nghiệm khách quan và tự luận).
- HS tự cho điểm, xếp loại theo hướng dẫn trong SGK và rút kinh nghiệm.

7.4.2. Đánh giá định kì của giáo viên

- Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng và học thuộc lòng: Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; mỗi tiết học đánh giá khoảng 20% số HS trong lớp.
- Đánh giá các kĩ năng đọc hiểu và viết: Thực hiện trong các tiết 6, 7. Bài luyện tập trong SGK là gợi ý để HS luyện tập và GV ra đề phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Bản chất và ý nghĩa của phương pháp dạy học mới

Để thực hiện mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ thành lớp người mới có kiến thức, kĩ năng vững vàng, có tinh thần dám nghĩ dám làm, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu

cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà trong bối cảnh hội nhập quốc tế, CT GDPT năm 2018 (CT 2018) được xây dựng theo định hướng hình thành và phát triển NL của HS. Nói một cách vắn tắt, nếu như CT năm 2006 và các CT trước đây trả lời cho CH: “Học xong CT, HS biết được những gì?” thì CT 2018 tập trung trả lời cho CH: “Học xong CT, HS làm được những gì?”. Phương pháp dạy học (PPDH) thích hợp nhất để thực hiện CT này là Tổ chức hoạt động, biểu hiện của triết lí “Lấy HS làm nhân vật trung tâm”.

Bản chất của phương pháp (PP) Tổ chức hoạt động là tích cực hoá HĐ của người học, trong đó GV đóng vai trò người tổ chức HĐ của HS, mỗi HS đều được HĐ, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Những dấu hiệu đặc trưng của PP Tổ chức hoạt động là:

- GV là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động của HS, tạo môi trường học tập thân thiện để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các HĐ, không làm thay hoặc áp đặt quan điểm của mình cho HS.

- HS được đặt vào các tình huống có vấn đề, trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm và được khuyến khích đưa ra cách giải quyết vấn đề theo quan điểm riêng của mình.

- Giữa GV với HS và giữa các HS với nhau thiết lập được quan hệ hợp tác nhiều chiều. Khi làm việc, không chỉ có câu hỏi GV đặt ra cho HS mà có cả câu hỏi HS đặt ra cho GV hoặc đặt ra cho HS khác.

- HS có hứng thú học tập, có khả năng chủ động đề xuất nội dung học tập và khả năng tự đánh giá.

- Qua hoạt động học tập tích cực, HS được hình thành kiến thức, kĩ năng một cách vững chắc và học được PP tiếp cận vấn đề, PP tự học. Ngày càng có nhiều HS thể hiện được bản sắc riêng trong nhận thức, kĩ năng và nhân cách.

Sự ra đời của PP Tổ chức hoạt động có lí do thực tế: Kiến thức, kĩ năng (năng lực) chỉ được hình thành, phát triển thông qua HĐ có ý thức của con người; những tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp (phẩm chất) cũng chỉ có thể được hình thành qua rèn luyện trong thực tế.

PP Tổ chức hoạt động còn tạo ra NL tự học và hợp tác ở HS, phù hợp với điều kiện tiếp cận thông tin và những yêu cầu đối với người lao động trong xã hội hiện đại.

Dạy học theo PP Tổ chức hoạt động là một giải pháp thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo

hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.”.

2. Hoạt động của giáo viên trong giờ học theo phương pháp dạy học mới

Khi dạy học theo PP Thuyết trình, HĐ của GV chủ yếu là bằng lời. Dạy học theo PP Tổ chức hoạt động, GV có ba việc phải làm như sau:

a) Giao việc cho HS

– Nêu nhiệm vụ thầy và trò cần thực hiện trong tiết học. Thông thường, đây là những nhiệm vụ đã được nêu trong SGK. Nhưng cũng không ít trường hợp, đó là những nhiệm vụ do GV bổ sung căn cứ tình hình cụ thể của lớp hoặc nhiệm vụ do chính HS đề xuất.

– Cho HS thực hiện một phần nhiệm vụ (làm mẫu, làm thử) nếu nhiệm vụ đặt ra trong những CH, BT ấy là khó hoặc mới đối với HS. Sau khi cả lớp đã hoàn thành nhiệm vụ làm thử, GV tổ chức chữa bài để giúp HS nắm được cách làm và nhắc nhớ những điểm HS cần chú ý khi làm bài.

– Nêu yêu cầu về hình thức HĐ của HS (làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, hoặc làm việc theo lớp) để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đã giao.

b) Tổ chức cho HS làm việc

HĐ của HS trong tiết học Tiếng Việt theo PP Tổ chức hoạt động là HĐ giao tiếp (đọc, viết, nghe, nói), phân tích, tổng hợp, cảm thụ, thực hành,... Trong quá trình HS làm việc, GV cần kiểm tra công việc của các em. Nội dung kiểm tra là:

– Xem HS có làm việc không; nếu HS không làm việc thì cần tìm hiểu lý do, động viên các em làm việc để đảm bảo yêu cầu tích cực hoá HĐ học tập của người học.

– Xem HS có hiểu việc phải làm không; nếu HS không hiểu việc phải làm thì cần giải thích, hướng dẫn lại cho HS làm để HĐ của các em đạt được mục đích đề ra.

– Trả lời thắc mắc của HS.

c) Tổ chức cho HS báo cáo và đánh giá kết quả làm việc

HS có thể báo cáo trực tiếp với GV, báo cáo trong nhóm, báo cáo trước lớp. Các hình thức báo cáo có thể là: báo cáo bằng miệng, bằng phiếu học tập, bằng con hoặc bằng cách trình bày trên bảng lớp, trên máy chiếu; cá nhân trình bày hay thi đua giữa các nhóm,... Theo PPDH mới, người đánh giá HS không nhất thiết là GV. Có thể hướng dẫn để HS tự đánh giá hoặc đánh giá nhau trong nhóm hoặc trước lớp.

Thực hiện PP Tổ chức hoạt động không có nghĩa là loại bỏ các PPDH truyền thống, đoạn tuyệt với những kinh nghiệm và kỹ thuật dạy học đã tích lũy được. Sự vận dụng đúng lúc, đúng chỗ, đúng mức một số PPDH truyền thống có thể bù đắp cho những hạn chế dễ mắc phải nếu chưa hiểu biết thấu đáo về PP Tổ chức hoạt động. VD, khi hướng dẫn HS làm việc, nếu HS chưa hiểu cách làm, GV phải giảng giải cách thực hiện nhiệm vụ cho các em; lúc giới thiệu bài, lúc liên hệ, tổng kết hay củng cố, dặn dò, GV cũng không tránh được việc thuyết trình. Điều quan trọng nhất là GV không lấy việc giảng bài làm chính, không nói thay, làm thay học trò, đặt học trò vào vai thụ động ngồi nghe GV thuyết trình.

3. Hoạt động của học sinh trong tiết học theo phương pháp dạy học mới

3.1. Các loại hoạt động

Bài học trong SGK *Tiếng Việt 4* được thiết kế theo mô hình HĐ. Mỗi bài học gồm 5 loại HĐ: Chia sẻ (Khởi động), Khám phá, Luyện tập, Vận dụng và Tự đánh giá. Tuy nhiên, một bài học (2 tuần) gồm nhiều nội dung: Đọc, Viết, Nói và nghe, Góc sáng tạo, Tự đánh giá. Không nhất thiết là việc thực hiện mỗi nội dung này đều phải bao gồm đủ 5 loại HĐ. Mặt khác, trong một bài học cũng như trong mỗi nội dung học tập, các loại HĐ có thể xen kẽ nhau, chứ không nhất thiết chi theo một trình tự nhất định.

Có thể hình dung như sau:

(1) Chia sẻ (Khởi động): Nội dung của HĐ này là tổ chức cho HS thực hiện một số HĐ hoặc chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học. SGK chỉ hướng dẫn HĐ Chia sẻ về chủ điểm ở tiết học mở đầu mỗi bài học. GV nên coi đây là gợi ý tham khảo và có thể tổ chức HĐ theo cách khác, miễn là HĐ đó giúp HS chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học. Đồng thời, đối với mỗi HĐ đọc, viết, nói và nghe trong bài học, GV cũng có thể bắt đầu bằng cách tổ chức một HĐ mở đầu phù hợp.

(2) Khám phá: HĐ này đặt HS trước yêu cầu xử lý tình huống (tình huống mới hoặc tình huống đã gặp nhưng có nhiệm vụ mới) để giúp các em có những hiểu biết và kinh nghiệm mới. Một bài học không phải chỉ có một HĐ khám phá mà mỗi HĐ đọc, viết, nói và nghe trong bài học đều có thể có những BT giúp HS khám phá kiến thức mới. VD: tiếp xúc với mỗi bài đọc, HS đều được hướng dẫn đọc hiểu bằng các CH; ở các tiết tập làm văn như tìm hiểu cấu tạo của bài văn, tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn văn, viết mở bài và kết bài, HS đều được hướng dẫn để biết cấu tạo của bài văn và cách thực hiện các công việc trong quy trình viết bài văn; đó đều là các HĐ khám phá.

(3) Luyện tập: HD này đặt HS vào những tình huống và nhiệm vụ tương tự tình huống, nhiệm vụ mới học để giúp các em củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành. Trong HD đọc, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua hình thức Tự đọc sách báo ở nhà. Trong HD viết, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các BT viết đoạn văn, bài văn. Trong HD nói và nghe, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các BT kể chuyện, diễn kịch, thảo luận.

(4) Vận dụng: Nội dung của HD này là ứng dụng những điều đã học để nhận thức, phát hiện và giải quyết những tình huống có thực trong đời sống. Trong tất cả các HD đọc, viết, nói và nghe đều có những CH giúp HS liên hệ với bản thân và cuộc sống. Cuối mỗi bài học (mỗi chủ điểm học tập), sách *Tiếng Việt 4* đều tổ chức một HD gọi là Góc sáng tạo. Đó là HD khơi dậy tiềm năng sáng tạo và giúp HS vận dụng toàn bộ những điều đã học trong chủ điểm vào cuộc sống.

(5) Tự đánh giá: Cuối mỗi chủ điểm học tập, sách *Tiếng Việt 4* có một đề bài giúp HS tự đánh giá những điều đã biết, những việc đã làm được trong chủ điểm đó. GV hướng dẫn HS thực hiện BT tự đánh giá ở nhà trong khoảng thời gian 90 phút. GV và cha mẹ HS có thể dựa vào bài tự đánh giá này để biết mỗi HS đạt được yêu cầu của bài học ở mức nào, trên cơ sở đó, giúp HS điều chỉnh cách học.

Nói tóm lại là mỗi bài học bắt đầu từ kinh nghiệm sống đã có của HS, hướng dẫn HS tích lũy kinh nghiệm mới rồi đem những kinh nghiệm mới ấy ứng dụng vào đời sống. Quy trình này phù hợp với đặc điểm của NL là gắn với yêu cầu giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và cũng phù hợp với quy luật nhận thức mà V.I. Lê-nin đã tổng kết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của sự nhận thức thực tại khách quan”⁽¹⁾.

3.2. Các hình thức hoạt động

3.2.1. Tổng quan

Các HD Chia sẻ, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng và Tự đánh giá đều có thể được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: HD lớp (làm việc theo lớp), HD nhóm (làm việc nhóm), HD độc lập (làm việc độc lập).

Trong phần lớn các trường hợp, nhất là trong trường hợp CH, BT đề ra đã rất cụ thể, HS sẽ làm việc có hiệu quả hơn khi được làm việc độc lập.

Trong trường hợp CH, BT tương đối trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định và trong trường hợp nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít HS được HD thì làm việc theo nhóm là giải pháp tốt nhất.

(1) Dẫn theo *Từ điển triết học*. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1989, trang 179.

Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu trong trường hợp GV thực hiện các khâu giới thiệu bài, củng cố bài, hướng dẫn HS cả lớp hiểu đúng yêu cầu của CH, BT, nhiệm vụ, nêu những CH HS không cần phải suy nghĩ lâu hoặc để HS trình bày kết quả làm việc, tổ chức cho các cá nhân hoặc các nhóm HS báo cáo kết quả làm BT,...

3.2.2. Hoạt động lớp

3.2.2.1. Khái niệm: Hoạt động lớp (hoặc Làm việc theo lớp) là một hình thức tổ chức dạy học rất quen thuộc. Trong CT cũ, học theo lớp gần như là cách thức làm việc duy nhất và ở đó HD thuyết trình của GV đóng vai trò trung tâm.

Hình thức dạy học này được kế thừa trong CT mới nhưng thay đổi về bản chất với việc đề cao HD học tập của HS.

3.2.2.2. Một số biện pháp Hoạt động lớp

a) Biện pháp Phân tích mẫu

Phân tích mẫu là tác động vào vật liệu mẫu bằng những cách khác nhau để làm rõ cấu tạo và quy luật vận động của sự vật, hiện tượng.

Về nguyên tắc, vật liệu mẫu cần có dung lượng vừa đủ, nghĩa là gọn và thể hiện đầy đủ đặc điểm của đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ cần phân tích. Có như vậy, sau HD phân tích mẫu, HS mới rút ra được đầy đủ các đặc điểm của đối tượng. Yêu cầu “vừa đủ” của vật liệu mẫu cũng tạo điều kiện cho HS tập trung vào sự kiện chính, tránh phân tán tư tưởng. VD, để hình thành khái niệm danh từ, Bài 1, SGK *Tiếng Việt 4* yêu cầu HS tìm các từ chỉ sự vật trong những câu sau: a) *Mẹ giao cho Hồng chăm sóc cửa nhà, quét tước, dọn dẹp;* b) *Chích bông năng nhặt sâu, bắt mối phá mùa màng và cây cối;* c) *Những cơn mưa ở mùa vụ tiếp theo giúp các cánh đồng dần xanh tươi trở lại.* Ba câu này có 11 từ chỉ sự vật, bao gồm 1 danh từ riêng (Hồng) và 10 danh từ chung. Các danh từ này đại diện cho nhiều nhóm khác nhau, giúp HS rút ra bài học về danh từ: danh từ chỉ người (mẹ, Hồng), chỉ vật (cửa nhà, cây cối, cánh đồng), chỉ con vật (chích bông, sâu, mối), chỉ hiện tượng tự nhiên (mưa/cơn mưa), chỉ thời gian (mùa màng, mùa vụ).

b) Biện pháp Làm mẫu

Làm mẫu là thực hiện một HD để giúp những người quan sát HD ấy hiểu nhiệm vụ họ cần thực hiện và biết cách thực hiện nhiệm vụ.

HD làm mẫu có thể do GV hoặc một vài HS (thường là HS khá, giỏi) thực hiện.

VD, để tìm các từ chỉ sự vật trong câu đã dẫn bên trên, GV có thể mời 1 – 2 HS sử dụng CH *Ai?*, *Con gì?*, *Cái gì?* để tìm 2 – 4 từ làm mẫu cho cả lớp hiểu yêu cầu và cách làm BT. Hiểu được yêu cầu và cách làm, mỗi HS sẽ làm tiếp BT một cách độc lập.

c) *Biện pháp Rèn luyện theo mẫu*

Rèn luyện theo mẫu là vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học hoặc mô hình đã biết vào thực hành nhằm củng cố, nâng cao kiến thức, kĩ năng. VD, sau khi hiểu danh từ là gì, HS được củng cố và vận dụng hiểu biết đó vào hai BT – một BT nhận biết danh từ (trong một đoạn văn của Trần Hoài Dương) và một BT sử dụng danh từ (Viết một câu giới thiệu về bản thân hoặc về một người bạn, trong đó, có sử dụng danh từ. Chỉ ra danh từ mà em đã sử dụng).

d) *Biện pháp Sơ đồ hoá (Mô hình hoá)*

Sơ đồ hoá là hình thức tổng kết kiến thức, nhận thức bằng các hình vẽ kèm theo kí hiệu, màu sắc và lời giải thích ngắn gọn. VD, SGK *Tiếng Việt 4* tiếp tục sử dụng sơ đồ quy tắc Bàn tay đã học ở lớp 3 để hướng dẫn quy trình viết đoạn văn, bài văn. SGK cũng hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy để thể hiện quá trình và kết quả tìm ý, lập dàn ý.

3.2.3. *Hoạt động nhóm*

3.2.3.1. *Khái niệm:* Hoạt động nhóm (hoặc Làm việc nhóm) là tổ chức lớp học thành những nhóm nhỏ để HS cùng nhau thực hiện nhiệm vụ học tập bằng cách kết hợp giữa làm việc cá nhân với chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác trong nhóm.

Có ba loại nhóm là nhóm tạm thời, nhóm trung hạn và nhóm dài hạn.

Nhóm tạm thời (nhóm đôi, nhóm vòng tròn gồm hơn 2 HS) là những nhóm có tính chất tức thì, chỉ kéo dài vài phút trong tiết học. Loại nhóm này thích hợp với những công việc có yêu cầu cụ thể, nhất thời, như trả lời một số CH đọc hiểu, làm một số BT tiếng Việt cần có sự hợp tác. Làm việc nhóm là một cách để HS trao đổi với nhau, giúp nhau bổ khuyết vốn hiểu biết, vốn từ.

Nhóm trung hạn được lập ra để đảm bảo cho HS có đủ thời gian hỗ trợ nhau hoàn thành một nhiệm vụ nhất định. Một nhóm trung hạn có thể kéo dài vài ngày hoặc vài tuần, VD: có thể thành lập các nhóm tự đọc sách để HS trao đổi sách báo, cùng đi thư viện, hỗ trợ nhau đọc sách.

Nhóm dài hạn là nhóm được lập ra để HS hỗ trợ lẫn nhau trong suốt một học kì hoặc một năm, VD: nhóm HS ở gần nhà nhau, nhóm HS khá, giỏi và HS yếu,...

Khi tổ chức cho HS học theo nhóm, GV cần chú ý:

– Hạn chế tổ chức nhóm dựa theo khả năng đồng đều của HS. Nhóm gồm toàn HS kém sẽ đưa đến hiệu quả âm. HS kém được bố trí vào nhóm có những bạn khá hơn sẽ có kết quả học khá hơn. Hiệu quả của việc học nhóm gồm toàn HS khá, giỏi là dương, nhưng rất nhỏ. HS có trình độ trung bình có lợi nhiều nhất trong việc học nhóm cùng trình độ.

– Mỗi nhóm hợp tác chỉ nên có số lượng HS ở mức tối thiểu. Tổ chức nhóm đôi là cách làm phù hợp với hoàn cảnh lớp học có diện tích nhỏ hoặc có cách sắp xếp bàn ghế không thuận tiện cho việc chia nhóm. Nhược điểm của nhóm đôi là hai thành viên dễ thỏa hiệp với nhau trong thảo luận. Do đó, chỉ nên tổ chức nhóm đôi khi thực hiện những nhiệm vụ tương đối đơn giản hoặc khi cần tăng số lượng HS được thực hành tập đọc, kể chuyện trong tiết học. Thông thường, nên tổ chức nhóm 3 hoặc nhóm 4. Những nhóm nhỏ gồm 3, 4 thành viên làm việc có hiệu quả hơn là nhóm lớn.

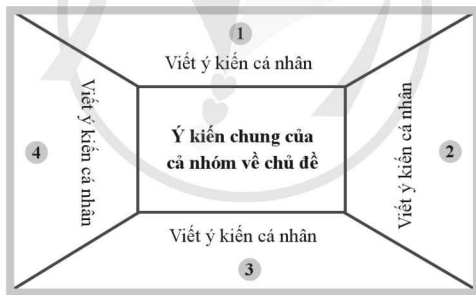
– Không lạm dụng hình thức Hoạt động nhóm. GV cần dựa trên đặc điểm của từng kiểu CH, BT, nhiệm vụ và đặc điểm của đối tượng HS để cân nhắc nên chọn hình thức Hoạt động lớp, Hoạt động độc lập hay Hoạt động nhóm thì mang lại hiệu quả cao hơn. Hoạt động nhóm rèn cho HS có kỹ năng hợp tác, chia sẻ nhưng chỉ nên tổ chức khi tin chắc là sẽ mang lại hiệu quả tốt hơn.

3.2.3.2. Một số biện pháp kỹ thuật làm việc nhóm

a) Kỹ thuật Khăn trải bàn

Gọi cách tổ chức này là Khăn trải bàn vì kết quả hợp tác giữa các thành viên trong nhóm được trình bày trên một tờ giấy to (khổ A0) giống như một chiếc khăn trải bàn.

Sơ đồ kỹ thuật Khăn trải bàn



Theo cách làm này, mỗi nhóm HS sử dụng một tờ giấy to. Chia tờ giấy thành nhiều phần: phần chính giữa để ghi ý kiến chung và một số phần xung quanh tương ứng với số thành viên của nhóm (VD nhóm 4 HS). Mỗi HS ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh, làm việc độc lập, trả lời đầy đủ các CH, BT hoặc nêu cách giải quyết vấn đề và viết vào phần dành cho mình. Trong trường hợp không đủ

chỗ để tất cả các thành viên viết vào “khăn trải bàn”, GV có thể phát cho các thành viên những mảnh giấy nhỏ để ghi lại ý kiến cá nhân, rồi dính vào phần xung quanh “khăn trải bàn”. Những ý kiến trùng nhau có thể dính chồng lên nhau. Sau đó, cả nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa.

Để áp dụng kỹ thuật này phù hợp với điều kiện Việt Nam, thay vì phải tìm những tờ giấy khổ rất to, GV có thể phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3 hoặc A4 để làm “khăn”. Mỗi HS có thêm 1 tờ giấy nhỏ (xem là 1 góc khăn) kèm bút dạ. Mỗi HS hoàn thành nhanh các CH, BT trên giấy, rồi gắn vào 1 góc khăn. Sau đó cả nhóm trao đổi, thống nhất đáp án, viết ngắn gọn vào giữa “khăn” (giữa tờ A3). Để nhóm hoàn thành nhanh nhiệm vụ viết kết quả vào giữa “khăn”, nhóm trưởng phân công mỗi bạn viết đáp án của 1 CH, BT vào mặt còn trắng của mảnh giấy nhỏ, rồi gắn vào giữa khăn. Các nhóm gắn “khăn” lên bảng lớp hoặc treo trên tường và cử đại diện báo cáo kết quả.

b) Kỹ thuật Phòng tranh

Kỹ thuật này giống kỹ thuật Khăn trải bàn, chỉ khác ở hình thức thể hiện: mỗi HS không viết suy nghĩ, ý tưởng của mình vào một góc “khăn trải bàn” mà viết vào một tờ giấy riêng, rồi dính lên bàn, lên bảng lớp hay lên tường, giống như một phòng tranh. Sau đó, cả nhóm tham quan “phòng tranh”, lần lượt nghe tác giả từng “bức tranh” giới thiệu ý kiến của mình. Rồi cùng trao đổi, nhận xét hoặc bình chọn, đánh giá,... Kỹ thuật này có thể áp dụng khi trưng bày các sản phẩm, nhất là các sản phẩm của các bài Góc sáng tạo.

c) Kỹ thuật Nhóm tranh luận

Áp dụng kỹ thuật Nhóm tranh luận là tổ chức những nhóm có quan điểm đối lập nhau hoặc khác nhau ở mức độ nhất định để cùng bàn thảo về một vấn đề. Mục tiêu của tranh luận không phải nhằm “đánh bại” những ý kiến khác với mình mà nhằm phát triển kỹ năng tranh luận, đồng thời giúp các em cũng xem xét một vấn đề với cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn.

Cách tổ chức nhóm tranh luận như sau:

– Trước hết, các thành viên trong lớp được chia thành các nhóm theo những quan điểm khác nhau về một vấn đề được bàn thảo. Việc chia nhóm có thể theo nguyên tắc ngẫu nhiên hoặc theo nguyện vọng của các thành viên muốn đứng trong nhóm ủng hộ hay phản đối.

– Từng nhóm trao đổi, lập luận để bảo vệ quan điểm của nhóm mình.

– Mỗi nhóm lần lượt cử đại diện trình bày lập luận của mình và phản bác quan điểm của nhóm khác.

– Sau cùng, cả lớp thảo luận chung, đi đến đánh giá và kết luận.

Dưới đây là một VD về tổ chức nhóm tranh luận ở bài đọc *Con sóng lan xa* (SGK *Tiếng Việt 4*, tập hai). Đây là một câu chuyện có kết thúc mở. Tác giả không kết thúc bằng những chi tiết như *Thế là đàn vịt bay vù đi* hay *Cậu bé cũng hiểu ra và từ đó bỏ luôn cây sừng cao su...* mà dành không gian cho bạn đọc thông minh suy đoán, tưởng tượng. Thực hiện ý đồ này, SGK đặt CH: *Hãy tưởng tượng cậu bé sẽ nghĩ gì, làm gì sau những lời nói và hành động của em gái*. Để trả lời CH, HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau, VD:

- (a) *Cậu bé hiểu ra, từ đó bỏ luôn cây sừng cao su.*
- (b) *Cậu bé giận em vì đã hét to, làm đàn vịt hoảng sợ bay đi.*
- (c) *Cậu bé tiếc ngẩn ngơ vì đàn vịt đã hoảng sợ bay đi mất.*

GV có thể tổ chức cho HS tranh luận theo các bước như sau:

Bước 1: HS đọc và giải thích yêu cầu của BT. Mỗi người có thể đưa ra cách giải quyết của mình. Cần trao đổi, tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình, đồng thời thuyết phục nhau, làm sáng tỏ vấn đề.

Bước 2: Hình thành các nhóm theo 4 gợi ý của SGK. Có thể áp dụng cách tập hợp nhóm như sau: 1 HS giữ tám biển ghi ý kiến (VD: *Ý kiến a / Ý kiến b / Ý kiến c / Ý kiến khác*), HS tán thành ý kiến nào thì ngồi vào nhóm ấy.

Bước 3: Các nhóm trao đổi, lập luận để bảo vệ ý kiến của nhóm mình, phân bác ý kiến của nhóm bạn. GV tôn trọng quan điểm riêng của HS, hướng dẫn và giúp đỡ từng nhóm.

d) *Kĩ thuật XYZ*

XYZ là một kĩ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, còn Z là thời gian tính bằng phút dành cho mỗi người. Chẳng hạn, nếu giá trị cụ thể của XYZ là 522 thì Hoạt động nhóm diễn ra như sau⁽¹⁾:

– Mỗi nhóm gồm 5 HS, mỗi HS viết 2 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 2 phút về cách giải quyết một vấn đề, chuyển cho bạn bên cạnh, tiếp tục cho đến khi tất cả HS trong nhóm đều viết và chuyển xong ý kiến của mình.

– Sau khi thu thập ý kiến, nhóm trưởng tổ chức cho nhóm thảo luận về các ý kiến đó.

VD, để hoàn thành BT *Em hãy đặt một câu hỏi để tự hỏi mình* (Mẫu: *Minh đã đọc truyện này ở đâu rồi ấy nhỉ?*)⁽²⁾, mỗi nhóm 4 HS có thể thực hiện kĩ thuật XYZ (411) như sau: Mỗi HS đặt một CH để tự hỏi mình trên một tờ giấy trong 1 phút, chuyển cho bạn bên cạnh cho đến khi cả nhóm đều hoàn thành nhiệm vụ.

(1) Theo Meier Bernd, Nguyễn Văn Cường, *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới, Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông*, Hà Nội, 2008.

(2) *Tiếng Việt 4*, tập một, SGK 2008, trang 132.

Dưới đây là VD về 4 CH:

- (1) Minh đã gặp bạn này ở đâu rồi ấy nhỉ?
- (2) Minh có nên nói điều đó với cô giáo không?
- (3) Minh không nhớ ai đã nói như vậy?
- (4) Cậu có thừa cái bút nào không?

Nhóm trưởng tổ chức cho cả nhóm trao đổi về từng CH để biết CH được đặt đúng hay sai. Chẳng hạn, câu 1 và 2 được đặt đúng, trong đó câu 1 (*Minh đã gặp bạn này ở đâu rồi ấy nhỉ?*) rất gần với câu mẫu, còn câu 2 (*Minh có nên nói điều đó với cô giáo không?*) đạt mức sáng tạo cao hơn. Các câu 3, 4 đặt không đúng. Câu 3 (*Minh không nhớ ai đã nói như vậy?*), tuy có từ nghi vấn (ai) nhưng không phải là CH, không được đặt dấu chấm hỏi. Còn câu 4 (*Cậu có thừa cái bút nào không?*) là CH nhưng không phải để tự hỏi mình như yêu cầu của đề bài. Qua thảo luận, HS trong nhóm sẽ hiểu bài chắc chắn hơn và có kỹ năng tạo lập kiểu CH dùng để tự hỏi mình.

e) Kỹ thuật Bể cá

Bể cá là hình thức HĐ kết hợp thảo luận nhóm với đánh giá về HĐ ấy, theo đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh theo dõi cuộc thảo luận và đưa ra nhận xét về cuộc thảo luận sau khi nó kết thúc. Những HS quan sát có thể nhận xét về cuộc thảo luận dựa trên một số CH gợi ý như sau:

- Các bạn trong nhóm nói có to, rõ, dễ hiểu không?
- Ý kiến của các bạn đó có đúng không?
- Nhóm trưởng có điều hành để bạn nào cũng được nói không?
- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
- Các bạn trong nhóm có lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau không?...

Cách luyện tập này được gọi là “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh.

Trong quá trình thảo luận, người quan sát và người thảo luận có thể đổi vai. Người quan sát có thể ngồi vào một vị trí trống trong nhóm thảo luận để đặt CH với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận trong nhóm có dấu hiệu chững lại. Sau khi nhóm đầu hoàn thành nhiệm vụ thì có thể lặp lại với 1 – 2 nhóm khác. Các nhóm này lại ngồi vào vị trí trung tâm.

Kỹ thuật Bể cá rất thích hợp với HĐ đọc hiểu. GV tổ chức cho mỗi nhóm 5 – 6 HS trao đổi về các CH, BT ở bài đọc. Sau đó chọn một nhóm ngồi vào vị trí trung tâm để trả lời các CH, hoàn thành các BT dưới sự điều hành của nhóm trưởng. Các nhóm khác ngồi xung quanh chứng kiến, đặt CH, nêu ý kiến, nhận xét, đánh giá. Trong trường hợp có tranh luận, GV sẽ đóng vai cố vấn, trọng tài.

g) Kỹ thuật Mảnh ghép

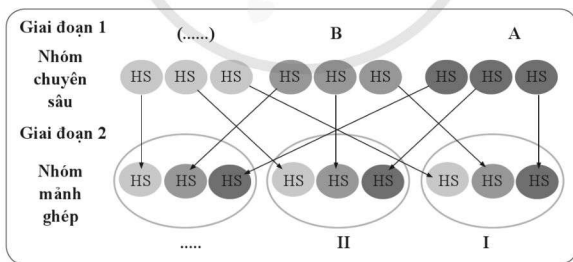
Mảnh ghép là biện pháp kỹ thuật tổ chức HĐ hợp tác liên nhóm nhằm giải quyết một chuỗi nhiệm vụ độc lập với nhau trong cùng một vấn đề, theo đó, mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ riêng và sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình, cử thành viên cùng đại diện các nhóm khác lập ra những nhóm ghép để giải quyết tổng thể vấn đề.

Mảnh ghép được thực hiện qua hai giai đoạn:

– Giai đoạn 1 (nhóm chuyên): Trong giai đoạn này, lớp học được chia thành các nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ riêng. Đây là những nhiệm vụ phi tuyến tính, tức là không nhất thiết phải hoàn thành nhiệm vụ này mới thực hiện tiếp được nhiệm vụ kia. VD: tìm hiểu về lòng dũng cảm, nhóm A tìm những câu chuyện về lòng dũng cảm thể hiện trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; nhóm B tìm những câu chuyện về lòng dũng cảm trong đấu tranh bảo vệ lẽ phải; nhóm C tìm những câu chuyện về lòng dũng cảm trong đấu tranh với chính bản thân mình,... Các nhóm này được gọi là “nhóm chuyên”. Các nhóm làm việc, đảm bảo cho mỗi thành viên trong nhóm trả lời được được tất cả các CH hoặc giải quyết được tất cả các vấn đề trong nhiệm vụ được giao.

– Giai đoạn 2 (nhóm ghép): Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 1, HS từ các nhóm chuyên khác nhau hợp lại thành những nhóm mới, gọi là nhóm ghép. Lúc này, mỗi HS “chuyên” trở thành một “mảnh” trong nhóm ghép. VD, các nhóm ghép I, II,... đều được tạo ra từ các mảnh ghép A, B,... Mỗi HS – “mảnh ghép” lần lượt trình bày lại nội dung mảnh ghép mà mình nắm bắt được ở giai đoạn 1, trên cơ sở đó, các nhóm ghép hoàn thành việc giải quyết vấn đề, VD: hiểu thế nào là *dũng cảm*.

Sơ đồ kỹ thuật Mảnh ghép⁽¹⁾



(1) Theo Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Dự án Việt – Bỉ, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010, trang 63.

Trong học tập, kĩ thuật Mảnh ghép giúp HS tiết kiệm được thời gian khi gặp phải những vấn đề mang tính phức hợp, đồng thời tăng cường vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác. Mỗi HS không chỉ cần hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 1 mà còn phải biết cách truyền đạt kết quả cho các bạn ở nhóm ghép và hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 2.

Để tổ chức HĐ phù hợp với điều kiện của lớp học, GV có thể chọn 1 trong 2 cách sau:

1. Lấy các nhóm đã có sẵn trong lớp (VD: các tổ học tập) làm nhóm chuyên; mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ (VD: trả lời 1 CH đọc hiểu); sau khi hoàn thành nhiệm vụ, nhóm cử thành viên cùng đại diện các nhóm khác lập ra những nhóm mới để giải quyết tổng thể vấn đề (VD: trả lời tất cả các CH đọc hiểu).

2. Tổ chức nhóm chuyên từ thành viên của các nhóm đã có sẵn trong lớp; mỗi nhóm chuyên là một mảnh ghép, thực hiện một nhiệm vụ (VD: trả lời 1 CH đọc hiểu); sau khi hoàn thành nhiệm vụ, các thành viên của nhóm trở về nhóm xuất phát cùng các bạn trong nhóm giải quyết tổng thể vấn đề (VD: trả lời tất cả các CH đọc hiểu).

3.2.4. Hoạt động độc lập

Hoạt động độc lập (làm việc độc lập) là làm việc cá nhân, theo đó mỗi HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình mà không có hoặc có rất ít sự trao đổi, trợ giúp của bạn học.

Nhiều GV, trong đời mới PPDH hiện nay, thường quá đề cao PP làm việc nhóm, thậm chí có xu hướng lạm dụng PP này. Thực ra, phần lớn thời gian học trên lớp nên được dành để HS làm việc độc lập, nhất là trong trường hợp nhiệm vụ học tập đã cụ thể, rõ ràng. Được làm việc độc lập, mỗi HS sẽ có điều kiện để suy nghĩ sâu hơn, thấm thía hơn về bài học và rèn luyện kĩ năng thuần thục hơn, bản lĩnh vững vàng hơn. VD: với BT rèn kĩ năng nghe (nghe – ghi lại, thuật lại thông tin hoặc nghe – kể lại câu chuyện), nếu HS hiểu rằng các em không thể trông chờ vào sự giúp đỡ, hỗ trợ nào từ các bạn khác thì các em sẽ lắng nghe chăm chú hơn. Có những BT, HS nhất định phải làm việc độc lập, sau đó mới có thể hợp tác làm việc nhóm. VD: mỗi HS phải tự lập dàn ý cho bài viết của mình dựa trên kết quả quan sát riêng, trên cơ sở đó, hoạt động hợp tác trao đổi về dàn ý mà mỗi em đã chuẩn bị mới mang lại kết quả giúp bổ sung, hoàn thiện cho dàn ý của mỗi HS.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

BÀI 1: CHÂN DUNG CỦA EM

CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(10 phút)

1. Tham gia trò chơi hỏi – đáp

– GV giới thiệu chủ đề Măng non và tên chủ điểm Chân dung của em; mời 2 HS tiếp nối nhau đọc trước lớp 2 CH và các gợi ý trong SGK.

– GV tổ chức trò chơi hỏi đáp:

+ HS hoạt động nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4): Một HS hỏi, HS khác trả lời, sau đó đổi vai. Có thể đặt 1 CH với tất cả các bạn trong nhóm để lần lượt từng bạn trả lời CH đó. Cũng có thể đặt một số CH với một bạn; sau khi bạn đó trả lời xong mới chuyển sang hỏi bạn khác.

+ Có thể dựa vào 5 CH trong SGK hoặc tự đặt những CH khác. Chú ý hỏi cả về sở thích và về ngoại hình, hoạt động. GV hướng dẫn để HS đặt những CH lịch sự, không làm bạn tự ái. VD:

(1) *Trò chơi bạn thích nhất là gì?* (Trò chơi mình thích nhất là nhảy dây / đá cầu /...).

(2) *Món ăn bạn thích nhất là món nào?* (Món ăn mình thích nhất là nem rán / bún /...).

(3) *Bạn thích môn học nào nhất?* (Mình thích môn Tiếng Việt / Toán /... nhất).

(4) *Bạn không thích điều gì?* (Mình không thích bị so sánh với các bạn khác / không thích trêu chọc nhau /...).

(5) *Nếu tự vẽ mình, bạn sẽ chú ý tới đặc điểm nào?* (Mình sẽ chú ý thể hiện hai bím tóc / cặp kính /...).

2. Tham gia hoạt động giải nghĩa tên chủ điểm: Chân dung của em

– GV đặt CH trước lớp: Qua trò chơi trên, em hiểu “Chân dung của em” nghĩa là gì? HS trả lời CH của GV một cách tự nhiên, thể hiện ý kiến riêng của mình. VD:

+ Chân dung của em là bức ảnh chụp khuôn mặt của em để làm học bạ, làm thẻ HS, thẻ đọc sách,...

+ Chân dung của em là đặc điểm bên ngoài của em.

+ Chân dung của em là cả đặc điểm bên ngoài lẫn tính cách của em.

+ Chân dung của em là đặc điểm con người em, cả hình thức lẫn tính cách.

– GV tổng kết và dẫn vào bài đọc: Chân dung của em là đặc điểm con người của em, cả hình thức bên ngoài lẫn tính cách, PC. Đó là nội dung các em sẽ tìm hiểu trong tuần 1 và tuần 2. Trước hết, chúng ta sẽ đọc một bài thơ rất hay của nhà thơ Xuân Quỳnh miêu tả chân dung một bạn nhỏ.

BÀI ĐỌC 1

TUỔI NGỰA

(60 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. Trả lời được các CH về nội dung của các đoạn thơ, toàn bài thơ. Hiểu được đặc điểm của nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ: thích đi đây đi đó, yêu thiên nhiên, đất nước và rất yêu mẹ.

– Thể hiện được giọng đọc vui tươi, tha thiết phù hợp với nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

1.2. Phát triển năng lực văn học

– Bước đầu cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật qua ngôn ngữ nhân vật và các chi tiết miêu tả.

– Bày tỏ được sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong bài thơ.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Bồi dưỡng PC yêu nước (yêu thiên nhiên, đất nước), nhân ái (tình yêu thương dành cho mẹ).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh họa bài đọc trong SGK, giấy A0 (4 tờ); giấy A4 (20 tờ).

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 4*, tập một, *Vở bài tập Tiếng Việt 4*, tập một.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

– PPDH: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

– Hình thức tổ chức dạy học: HD độc lập, HD nhóm, HD lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

– GV giới thiệu bài: *Tuổi Ngựa* là một bài thơ hay, ngộ nghĩnh của nhà thơ nữ Xuân Quỳnh. Bài thơ kể về câu chuyện của một em bé sinh năm Ngọ với mẹ của mình. Để biết bài thơ này thú vị ra sao, chân dung của bạn nhỏ trong bài như thế nào, chúng ta cùng đọc bài nhé.

– GV đọc diễn cảm toàn bài thơ; HS nghe đọc mẫu và theo dõi SGK, đọc thầm theo.

– GV đặt CH về nghĩa các từ mới: *tuổi Ngựa, trung du, đại ngàn,...* HS dựa vào gợi ý của SGK trả lời.

2. HD 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu xét thấy cần thiết đối với HS địa phương.

– Lưu ý HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương. VD: *trung du, trăm miền, loà, màu trắng, nắng, núi* (miền Bắc – MB); *đất đỏ, đại ngàn, ngọn gió, ngựa con, viết, hết, ngọt ngào, cách* (miền Nam – MN); *chỗ, sẽ, dấu* (miền Trung – MT).

– GV xác định các khổ thơ (khổ 1: 4 dòng thơ đầu; khổ 2: 8 dòng thơ tiếp theo; khổ 3: 8 dòng thơ tiếp theo khổ 2; khổ 4: 6 dòng thơ cuối) – giao nhiệm vụ luyện đọc: HS đọc lần lượt 4 khổ thơ, mỗi khổ 3 – 4 HS đọc. Sau đó, đọc nối tiếp các khổ thơ (2 – 3 lượt đọc nối tiếp).

– Một số HS khá, giỏi đọc toàn bộ bài thơ.

3. HD2: Đọc hiểu

– GV cho 5 HS đọc nối tiếp 5 CH của SGK.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng kỹ thuật Mảnh ghép:

+ Bước 1: Sử dụng nhóm chuyên: 5 nhóm – 5 CH (1 – 2 – 3 – 4 – 5).

+ Bước 2: Sử dụng 4 nhóm ghép: mỗi nhóm thảo luận, tổng hợp 5 câu trả lời tương ứng 5 CH.

+ Bước 3: Sử dụng hình thức HD lớp: Hướng dẫn đại diện của 5 nhóm ghép trình bày kết quả thảo luận chung trước lớp.

– GV tổ chức cho HS tự nhận xét, đánh giá.

– GV bình luận thêm về cái hay, cái đẹp của hình ảnh thơ, nội dung của bài thơ.

(1) Ở khổ thơ 1, bạn nhỏ hỏi mẹ điều gì? Mẹ trả lời thế nào? (Bạn nhỏ hỏi mẹ: Tuổi con là tuổi gì?; Mẹ bạn nói: Tuổi con là tuổi Ngựa – tuổi đi, không chịu ở yên một chỗ.)

(2) *Bạn nhớ tưởng tượng “ngựa con” sẽ theo ngọn gió đi những đâu? (Bạn nhớ tưởng tượng mình sẽ đi khắp mọi miền đất nước: từ miền trung du đến cao nguyên đất đỏ và những cánh rừng đại ngàn.)*

(3) *Theo em, vì sao bạn nhớ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng? (Bạn nhớ tưởng tượng mỗi vùng đất có một màu gió riêng bởi mỗi vùng đất có đặc điểm riêng: miền trung du thường xanh mượt cỏ cây (gió xanh), vùng cao nguyên đất đỏ bazan màu mỡ (gió hồng), đại ngàn xanh thẫm (gió đen).)*

(4) *Em thích những hình ảnh nào trong khổ thơ 3? (Trong khổ thơ 3, có ba hình ảnh: màu trắng loá như giấy trắng của hoa mơ, mùi hương hoa huệ ngọt ngào, gió và nắng xôn xao khắp cánh đồng hoa cúc đại. Mỗi hình ảnh có vẻ đẹp riêng, thể hiện bạn nhỏ cảm nhận cảnh vật, không gian bằng rất nhiều giác quan: thị giác (cảm nhận màu trắng sáng, tinh khiết của hoa mơ), khứu giác (cảm nhận hương thơm ngọt ngào của hoa huệ), thính giác – thị giác (cảm nhận âm thanh của gió, màu sắc của nắng, của hoa cúc đại),...).*

(5) *Hãy nêu cảm nghĩ của em về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ. (Bạn nhỏ tuổi Ngựa trong bài thơ là một em bé thích bay nhảy, đi đây đi đó, giàu lòng yêu thiên nhiên, đất nước; rất yêu mẹ, dù có xa xôi cách trở thế nào cũng nhớ về mẹ, nhớ đường về với mẹ.)*

– GV cho HS liên hệ với đặc điểm của bản thân.

4. HD 3: Đọc nâng cao

– GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm với hình thức đọc cá nhân; lưu ý HS cách ngắt giọng ở một số dòng thơ, nhấn giọng ở từ ngữ giàu sức gợi tả; thể hiện giọng đọc phù hợp. VD:

Mẹ ơi, / con sẽ phi //

Qua bao nhiêu / ngọn gió //

Gió xanh / miền trung du //

Gió hồng / vùng đất đỏ //

Gió đen hút / đại ngàn //

Mập mờ / triền núi đá... //

Con mang về / cho mẹ //

Ngọn gió / của trăm miền. //

Ngựa con / sẽ đi khắp //

Trên / những cánh đồng hoa //

Loá màu trắng / hoa mơ //

Trang giấy nguyên / chưa viết //

Con làm sao / ôm hết //

Mùi hoa huệ / ngọt ngào //

Gió và nắng / xôn xao //

Khắp đồng / hoa cúc đại.

+ Cho HS lựa chọn đoạn thơ yêu thích thì đọc diễn cảm.

+ Cho HS trả lời CH về lí do lựa chọn đoạn đọc.

+ Cho HS nhận xét, đánh giá, thảo luận về giọng đọc, cách đọc diễn cảm.

5. Củng cố, dặn dò

– GV tổ chức cho HS tự nhận xét, đánh giá về tiết học; nói về những điều thu được sau bài học, những điều mong muốn biết thêm.

– GV nhắc HS học thuộc lòng các khổ thơ 3, 4 và khuyến khích HS học thuộc lòng cả bài thơ. Nhắc HS thực hiện nhiệm vụ Tự đọc sách báo theo hướng dẫn trong SGK.

TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

(HS thực hiện ở nhà)

1. Giáo viên nêu nhiệm vụ cho học sinh tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong sách giáo khoa

– Về nội dung bài đọc: bài đọc có nội dung kể về đặc điểm hoặc hoạt động của các bạn cùng lứa tuổi với em.

– Về loại văn bản: truyện, thơ, văn miêu tả, văn bản thông tin.

– Về số lượng: 2 câu chuyện (hoặc 1 câu chuyện, 1 bài thơ), 1 bài văn miêu tả hoặc cung cấp thông tin.

– Ghi vào phiếu đọc sách:

+ Tên bài đọc.

+ Một số nội dung chính: sự việc, nhân vật, hình ảnh, câu văn em thích.

+ Cảm nghĩ của em.

2. Lưu ý

– HS có thể tìm các truyện đọc phù hợp với chủ điểm trong sách *Truyện đọc lớp 4* (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội).

– GV (hoặc nhà trường) dựa theo yêu cầu tự đọc sách báo, thiết kế Phiếu tự đọc sách báo để HS tiện sử dụng.

BÀI VIẾT 1

VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NHÂN VẬT

(Cấu tạo của đoạn văn)

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Hiểu về cấu tạo của đoạn văn về một nhân vật.

– Vận dụng quy tắc Bàn tay đã học để xác định những việc cần làm khi viết đoạn văn về một nhân vật.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Thể hiện được cảm nghĩ về nhân vật.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (trao đổi với các bạn về các ý trong đoạn văn); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (phát hiện được đặc điểm ngoại hình và tính cách nhân vật). Bồi dưỡng PC chăm chỉ và trách nhiệm thông qua việc giải các BT trong bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài giảng trình chiếu, đoạn văn mẫu.
- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 4*, tập một; *Vở bài tập Tiếng Việt 4*, tập một; vở viết.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH: đàm thoại, thảo luận nhóm.
- Hình thức tổ chức dạy học: HĐ nhóm, HĐ độc lập.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

Đây là bài viết đầu tiên ở lớp 4, GV tạo tâm thế học tập cho HS bằng hình thức phù hợp. Có thể giới thiệu các bài viết trong môn Tiếng Việt lớp 4 hoặc hỏi một số CH về bài đọc *Tuổi Ngựa* để kết nối với bài mới.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: GV hướng dẫn HS nắm được yêu cầu cần đạt (YCCD) của bài.

2. HĐ 1: Tìm hiểu cấu tạo đoạn văn

- GV cho HS nối tiếp nhau đọc đoạn văn trong phần Nhận xét (2 lần).
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS) trao đổi về các CH gợi ý của SGK:

a) *Đoạn văn trên viết về nội dung gì?* (Đoạn văn trên nêu cảm nghĩ về đặc điểm ngoại hình, tính cách của nhân vật Đế Mèn trong truyện *Đế Mèn phiêu lưu kí*.)

b) *Câu mở đầu của đoạn văn (câu mở đoạn) có tác dụng gì?* (Câu mở đầu giới thiệu nhân vật và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm nhân vật Đế Mèn.)

c) *Các câu tiếp theo phát triển những ý nào của câu mở đoạn?* (Các câu tiếp theo làm rõ đặc điểm về ngoại hình và tính cách của Đế Mèn đã nêu trong câu mở đoạn.)

3. HĐ 2: Rút ra bài học

- GV hỏi:
- + Khi viết đoạn văn về một nhân vật cần viết về những nội dung gì? (Cần nêu cảm nghĩ về đặc điểm ngoại hình và tính cách của nhân vật.)

+ Đoạn văn viết về nhân vật có cấu tạo như thế nào? (Đoạn văn gồm có câu mở đoạn và một số câu tiếp theo. Câu mở đoạn giới thiệu và nêu khái quát cảm nghĩ về đặc điểm của nhân vật. Các câu tiếp theo làm rõ những đặc điểm đã nêu trong câu mở đoạn. Trong đó, có các câu nêu nhận xét và thể hiện tình cảm của người viết với nhân vật.)

– Cho HS đọc nối tiếp nội dung bài học; nêu lại nội dung bài học, không cần nhìn sách.

4. HD 3: Luyện tập

– HS đọc nối tiếp nội dung yêu cầu của phần luyện tập (2 lần).

– HS tự đọc lại (hoặc nhớ lại) bài đọc *Tuổi Ngựa*.

– Dựa vào yêu cầu của BT và quy tắc Bàn tay, xác định những việc cần làm:

1) Viết về ai? (Viết về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ *Tuổi Ngựa*.)

2) Tìm ý

– Bạn nhỏ trong bài thơ có đặc điểm gì về ngoại hình, về tính cách?

– Em có nhận xét, tình cảm gì với bạn nhỏ trong bài thơ?

3) Sắp xếp ý: Sắp xếp các ý em tìm được; có thể thêm / bớt / điều chỉnh các ý.

4) Viết đoạn văn: Dựa vào kết quả bước 3 để viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về đặc điểm của nhân vật.

5) Hoàn chỉnh đoạn văn: Đọc lại đoạn văn, phát hiện và sửa lỗi (nếu có); có thể điều chỉnh đoạn văn (thêm hoặc bớt từ ngữ, thay từ ngữ...) cho hay.

– Một số nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét.

5. Củng cố, dặn dò

– GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.

– GV tổng hợp ý kiến, nhận xét tiết học, tuyên dương những em tiến bộ hoặc xác định đúng và đủ những việc cần làm.

NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN: LÀM CHỊ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nghe hiểu và kể lại được câu chuyện *Làm chị*.

- Biết cách trao đổi với các bạn về câu chuyện.
- Biết cách nghe, ghi chép vấn đề nhận xét về cách kể chuyện và về ý kiến của bạn trong trao đổi.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được cái hay của câu chuyện và biết thể hiện tình cảm, cảm xúc khi kể chuyện.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết chủ động, tự tin trao đổi cùng các bạn trong nhóm, lớp); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (biết sáng tạo khi kể chuyện: chọn ngôi kể, sắp xếp trình tự câu chuyện, sử dụng phương tiện trực quan, trang phục...). Bồi dưỡng PC nhân ái (yêu thương, quý trọng con người, tôn trọng sự khác biệt của mỗi người).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ của bài *Làm chị*, bản trình chiếu sơ đồ trong SGK.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 4*, tập một, *Vở bài tập Tiếng Việt 4*, tập một.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH: đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.
- Hình thức tổ chức dạy học: HĐ độc lập, HĐ nhóm, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Ở bài đọc *Tuổi Ngựa* các em đã được làm quen với một em bé giàu lòng nhân ái, yêu thiên nhiên, đất nước. Hôm nay, chúng ta sẽ làm quen với một cô bé, dù còn nhỏ nhưng đã biết giúp đỡ mẹ và chăm sóc em. Các em hãy chú ý lắng nghe câu chuyện nhé.

2. HĐ 1: Nghe kể chuyện (BT 1)

- Lần 1: GV kể diễn cảm toàn bộ câu chuyện *Làm chị* cho cả lớp nghe.
- Lần 2: GV kể từng đoạn câu chuyện, kết hợp sử dụng CH trong sơ đồ (SGK *Tiếng Việt 4*, tập một, trang 8) để hướng dẫn HS theo dõi nội dung câu chuyện.
- HS trả lời lần lượt các CH trong sơ đồ để nắm vững tinh tiết, diễn biến và nhân vật của câu chuyện.

3. HĐ 2: Kể chuyện

3.1. Kể chuyện trong nhóm

- 1 HS đọc BT 1, cả lớp đọc thầm theo.

– GV giúp HS hiểu nhiệm vụ: Dựa vào sơ đồ và các CH gợi ý để kể và trao đổi về câu chuyện *Làm chị*.

– GV tổ chức cho HS kể chuyện trong nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS).

3.2. Kể chuyện trước lớp

– HS xung phong kể từng đoạn của câu chuyện.

– 1 – 2 HS khá, giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện.

– Các HS khác và GV góp ý.

4. HD 3: Trao đổi về câu chuyện (BT 2)

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (mỗi nhóm 5 – 6 HS) về 3 nội dung:

a) *Em suy nghĩ gì về câu chuyện giữa Hồng và em trai? (Hồng và em Thái rất hay cãi nhau, chẳng ai chịu nhường ai.). Giữa em với anh (hoặc chị, em) của mình có những điểm gì giống Hồng và Thái? (HS có thể nêu nhiều ý kiến khác nhau, phù hợp với thực tế. VD: Em trai em đôi khi không nghe lời em. / Em cũng hay bướng với anh, chị. / Hai chị em em cũng hay tị nạnh nhau. / Em và anh trai em rất hoà thuận. /... GV có lời khuyên hoặc lời khen đối với HS.)*

b) *Từ những thay đổi của Hồng trong việc giúp đỡ mẹ và chăm sóc em trai, em có suy nghĩ gì? (Hồng là cô bé biết thương mẹ, nghe lời mẹ, biết thay đổi để làm mẹ vui lòng).*

c) *Câu chuyện trên giúp em hiểu điều gì? (Gợi ý: Muốn em ngoan thì phải nói nhẹ nhàng với em. / Muốn em ngoan thì phải gương mẫu. / Muốn làm người khác thay đổi, trước tiên mình phải thay đổi để làm gương cho người đó.)*

– Đại diện của các nhóm trình bày kết quả thảo luận về 3 nội dung trên trước lớp.

– Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vấn đề về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt CH, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện.

– GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. Chú ý kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS trong khi nghe vì đây là một kĩ năng mới cần được rèn luyện ở lớp 4.

Dưới đây là văn bản truyện:

Làm chị

Hồng có một đứa em trai. Thằng Thái em Hồng là chúa bướng bỉnh. Hai chị em cãi nhau chí chóe cả ngày. Chị Hồng cũng chẳng chịu nhường em. Có khi, chị quát mỗi cái nhà, hai đứa cũng phải “oằn tù tì” mấy lần. Chị Hồng ra cái búa mà Thái xoè tay ra bọc thì chị đòi xí xoá. Ngược lại, nếu Thái lỡ xoè tay ra mà chị gior cái kéo, Thái cũng bắt “oằn” lại. Mẹ phải bảo:

– Giá các con biết báo nhau thì nhà đã quét xong từ lâu rồi. Con là chị, con nên nhường nhịn em. Em sẽ phải nghe lời con.

Công việc của mẹ dạo này rất bận, có hôm mẹ phải đi cả ngày. Mẹ giao cho Hồng chăm sóc cửa nhà, quét trước, dọn dẹp. Thương mẹ vất vả, Hồng nghe lời mẹ hơn.

Một hôm, Hồng lau nhà sạch bóng đến mức có thể soi gương được. Thái ta vẫn cứ mãi chơi bóng. Hồng bảo em, giọng dịu dàng:

– Thái chơi bóng xong, giúp chị dọn bàn học cho gọn nhé!

– Vâng ạ. – Thái đáp lại chị, giọng rõ thật ngoan.

Chiều, mẹ đi công tác vẫn chưa về, Hồng bảo Thái:

– Em vào đây, chị tắm cho.

Hồng vắt cái khăn mặt lên vai, bảo Thái cúi đầu xuống, dội nước, gội đầu cho em. Rồi vừa kì cánh tay đen nhem của em, Hồng vừa giảng cho em mấy bài vệ sinh thân thể mới học. Thái ta cứ ngồi yên như phỗng nghe chị giảng.

Tắm cho em xong, Hồng dặn:

– Bây giờ, em ra trông nhà nhé, để chị giặt quần áo.

– Vâng ạ.

Lần này, Thái “vâng” to hơn, đến nỗi bọn cái Hương, cái Thanh ở nhà bên cũng nghe rõ. Chúng nó bảo:

– Em cậu dạo này ngoan nhỉ.

BÍCH THUẬN

5. Củng cố, dặn dò

– GV tổ chức cho HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của mình và các bạn trong lớp, những bạn tiến bộ về kĩ năng kể, những bạn cần rèn luyện thêm.

– GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và tuyên dương những HS kể hay, thảo luận tốt và những HS có tiến bộ về kĩ năng kể, kĩ năng trao đổi.

– GV khuyến khích kể chuyện *Làm chị* cho những người thân nghe.

– GV nhắc HS chuẩn bị cho bài Nói và nghe *Chân dung của em, của bạn ở tuần sau*.

BÀI ĐỌC 2

CÁI RĂNG KHÉNH

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu đặc điểm của nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện (khuyên mỗi người nên tự hào, yêu quý những gì thuộc về bản thân mình; khuyên HS tôn trọng bạn, không trêu đùa bạn về đặc điểm khác biệt).

– Thể hiện giọng đọc diễn cảm phù hợp với người dẫn chuyện và các nhân vật trong câu chuyện.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được những băn khoăn đáng yêu của nhân vật cậu bé trong câu chuyện.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Bồi dưỡng PC nhân ái: biết lễ phép, lịch sự; tự tin và yêu quý bản thân mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, giấy A4.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 4*, tập một; *Vở bài tập Tiếng Việt 4*, tập một.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

– PPDH: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập.

– Hình thức tổ chức dạy học: HĐ độc lập, HĐ nhóm, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

GV yêu cầu HS đọc lại một đoạn hoặc toàn bài thơ *Tuổi Ngựa* và nêu nội dung, ý nghĩa của bài, đặc điểm của nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ.

B. DẠY HỌC BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV giới thiệu bài học mới: Mở đầu chủ điểm *Chân dung của em*, các em đã đọc bài *Tuổi Ngựa*. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục học về chủ điểm này với bài đọc *Cái răng khênh*, bài đọc trích trong tác phẩm *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần. Tác phẩm từng đoạt giải A cuộc thi sáng tác văn học thiếu nhi năm 2002 do Nhà xuất bản Trẻ và Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và giải thưởng Peter Pan 2008 của Ủy ban Quốc tế về Sách thiếu nhi tại Thụy Điển. Hãy cùng tìm hiểu xem câu chuyện kể về ai, bí mật của nhân vật đó là gì và nhân vật trong câu chuyện có gì đáng yêu nhé!

2. HD 1: Đọc thành tiếng

2.1. Luyện đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu xét thấy cần thiết đối với HS địa phương.

– Lưu ý HS các từ ngữ dễ đọc sai do ảnh hưởng tiếng địa phương trong từng đoạn. VD: *nói, là, nụ cười,...* (MB); *đánh răng, đơn giản, khuôn mặt,...* (MN); *răng khênh, đơn giản, sẽ,...* (MT).

– GV tổ chức cho HS luyện đọc từng đoạn câu chuyện. Đoạn 1: Từ đầu đến ... *tôi út khi cười*. Đoạn 2: Từ *Một hôm, bố tôi hỏi đến ... những người xung quanh mình*. Đoạn 3: Từ *Một hôm, tôi thuật lại câu nói... đến ... cùng giữ chung một bí mật*. Đoạn 4: Từ *Tôi đã kể đến hết*.

– GV lưu ý HS:

* Về cách ngắt nghỉ hơi ở một số câu dài, VD: *Hãy quan sát đi/ rồi con sẽ thấy/ rất nhiều điều bí mật/ về những người xung quanh mình*.

* Về cách đọc lời đối thoại giữa các nhân vật: thể hiện sự trao – đáp giữa các nhân vật; lên giọng cuối câu hỏi, câu khiến và câu cảm, xuống giọng cuối câu kể.

– GV tổ chức cho HS đọc toàn bài (có thể đọc nối tiếp theo đoạn).

2.2. Giải nghĩa từ ngữ

– GV mời 1 HS đọc to, rõ nghĩa các từ: *rạng rỡ, giùm*.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm nghĩa của từ ngữ khác (nếu cần).

3. HD 2: Đọc hiểu

– 5 HS tiếp nối nhau đọc 5 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời CH. Các nhóm báo cáo kết quả (hỏi đáp).

(1) *Tại sao bạn nhỏ trong câu chuyện không thích cái răng khênh?* (Vì bạn nhỏ có một chiếc răng khênh và bị bạn bè trêu là do không chịu đánh răng. Bạn nhỏ nghĩ cái răng khênh làm cho bạn xấu đi. GV bổ sung: Việc trêu chọc bạn có gì đáng trách?)

(2) *Khi nghe bạn nhỏ giải thích, người bố đã nói gì?* (Bố bạn nhỏ nói cái răng khênh chính là nét riêng của bạn, làm cho nụ cười của bạn khác các bạn khác. Đó là điều đáng tự hào.)

(3) *Em có suy nghĩ gì về điều người bố nói?* (Lời động viên của bố giúp bạn nhỏ hiểu ra và tự hào về điểm riêng của mình, không còn mặc cảm, xấu hổ vì điều đó nữa.)

(4) *Vì sao bạn nhỏ kể cho cô giáo nghe bí mật của mình?* (Vì bạn nhỏ tin tưởng vào cô giáo và thích thú khi nghe cô giải thích “khi em kể điều bí mật cho một người biết giữ nó thì bí mật vẫn còn” và khi đó “có hai người cùng giữ chung một bí mật”.)